

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP**

Số/No.: 14 /2022/VLC/CV-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022  
HaNoi City, dated 28<sup>th</sup> January, 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SGDCK HÀ NỘI**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE  
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL  
AND HANOI STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: VLC
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38626769, Fax: (024.38623645
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Lê Huy Bích
- Chức vụ/ *Position*: Giám đốc tài chính/Chief Finance Officer

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand*

**Nội dung thông tin công bố/ Content of Information disclosure:**

Ngày 27/01/2022, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập số 17/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/01/2022.

Chúng tôi xin gửi kèm Thông báo chào bán số 13/2022/VLC/CV-HĐCP ngày 27/01/2022 và Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**  
Người được ủy quyền công bố thông tin



**Lê Huy Bích**  
Giám đốc tài chính

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *17* /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày *17* tháng *01* năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*

*Xét Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập cho:

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION JSC;
- Tên công ty viết tắt: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 519 đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 10 năm 2020;
- Vốn điều lệ: 631.010.000.000 đồng (Sáu trăm ba một tỷ không trăm mười triệu đồng).

**Điều 2.** Cổ phiếu Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP được phát hành để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành để hoán đổi: Phát hành 156.250.000 cổ phiếu (Một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn cổ phiếu) để hoán đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần GTNFoods;
4. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký phát hành tính theo mệnh giá: 1.562.500.000.000 đồng (Một nghìn năm trăm sáu mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán SSI.

**Điều 3.** Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Chân Phương

## THÔNG BÁO

### Phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập

(Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 17/GCN-UBCK  
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/04/2022)

#### I. Giới thiệu về các Công ty tham gia sáp nhập

##### Giới thiệu về tổ chức phát hành (công ty nhận sáp nhập): Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

- Tên Công ty (đầy đủ): TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
- Tên viết tắt: VILICO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 519 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Địa chỉ liên lạc: Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3862 6769 – 3862 6763; số fax: (84-24) 3862 3645; Website: <http://www.vilico.vn>
- Vốn điều lệ: 631.010.000.000 đồng.
- Mã cổ phiếu (nếu có): VLC
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Sacombank-CN Trung Tâm số hiệu tài khoản: 060240360686
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:
    - Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò 0141
    - Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn 0145
    - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa 1050
    - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt 1010
    - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê 6810
    - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 5210
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

##### Giới thiệu về tổ chức có cổ phần được hoán đổi (công ty bị sáp nhập): Công ty Cổ phần GTNFoods

- Tên Công ty (đầy đủ): CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
- Tên viết tắt: GTNFOODS
- Địa chỉ trụ sở chính: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Địa chỉ liên lạc: Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 6276 6366; số fax: (84-24) 6276 6466; Website: [www.gtnfoods.com.vn](http://www.gtnfoods.com.vn)
- Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.
- Mã cổ phiếu (nếu có): GTN
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Trung Tâm số hiệu tài khoản: 060238385779
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 25 tháng 02 năm 2020.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư tài chính
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: không có hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

#### II. Mục đích phát hành

Nhằm khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) sẽ phát hành thêm cổ phiếu VLC cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu GTN đang lưu hành theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần GTNFoods, trên cơ sở tỉ lệ hoán đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### III. Phương án phát hành

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.
3. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 156.250.000 cổ phiếu.
4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 1.562.500.000.000 đồng.
5. Tỷ lệ hoán đổi (nếu tỷ lệ hoán đổi đối với từng công ty): Tỷ lệ hoán đổi được xác định như sau: 1,6 : 1 (ngoại trừ cổ đông là Công ty Cổ phần GTNFoods, cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu VLC, tương đương với 1 cổ phiếu GTN được hoán đổi lấy 0,625 cổ phiếu VLC). Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi không đủ 01 cổ phiếu VLC sẽ được hủy không tính.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 90 cổ phiếu GTN, thì cổ đông A sẽ được nhận  $90 \times 0,625 = 56,25$  cổ phiếu VLC, làm tròn thành 56 cổ phiếu, phần lẻ 0,25 sẽ không tính và sẽ bị hủy bỏ.*

6. Ngày đăng ký cuối cùng để hoán đổi: 09/03/2022
7. Ngày chốt danh sách để hoán đổi: 09/03/2022
8. Địa điểm nhận đăng ký hoán đổi cổ phiếu: Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
  - Đối với cổ đông GTN đã lưu ký: Cổ phần hoán đổi VLC sẽ được phân bổ về tài khoản của cổ đông tại công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký.
  - Đối với cổ đông GTN chưa lưu ký: Làm thủ tục nhận cổ phần hoán đổi VLC tại Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
9. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

#### TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 519 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3862 6769 – 3862 6763; số fax: (84-24) 3862 3645;
- Website: <http://www.vilico.vn>

#### CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

- Địa chỉ trụ sở chính: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 14 tháp A, tòa nhà Handiresco số 521 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 6276 6366; số fax: (84-24) 6276 6466;
- Website: [www.gtnfoods.com.vn](http://www.gtnfoods.com.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI

- Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3936 6321 Fax: (84-4) 3936 6318
- Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)



**TRỊNH QUỐC DŨNG**  
Tổng Giám đốc

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Y ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

## BẢN CÁO BẠCH



**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 01000104-M3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020)



**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI THEO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 17 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 01 năm 2022)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

### 1. Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: 519 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.38626769

Fax: 024.38623645

Website: [www.vilico.vn](http://www.vilico.vn)

Email: [vilico@vilico.vn](mailto:vilico@vilico.vn)

### 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 1C, Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3936 6321

Fax: +84 24 3936 6318

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Trịnh Quốc Dũng

Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP

Điện thoại: 024.38626769

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020)

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI THEO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP**

<b>Tên cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu thường
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 đồng/cổ phần
<b>Tổng số lượng cổ phiếu phát hành:</b>	156.250.000 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá:</b>	1.562.500.000.000 VND
<b>Tỷ lệ hoán đổi:</b>	1,6 : 1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu VLC, tương ứng với việc cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền được hoán đổi lấy 0,625 cổ phiếu VLC)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****❖ CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84 24) 71050 000

Website: <http://www2.deloitte.com/vn>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN****❖ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1C, Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3936 6321

Fax: +84 24 3936 6318

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

**MỤC LỤC**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>6</b>
1. Tổ chức phát hành – Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP.....	6
2. Công ty bị sáp nhập – Công ty Cổ phần GTNfoods .....	6
3. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội.....	6
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>7</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro của đợt phát hành .....	9
5. Rủi ro pha loãng .....	9
6. Rủi ro quản trị công ty.....	9
7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...).....	9
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>10</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>11</b>
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành .....	11
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	11
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm công ty.....	12
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VLC.....	13
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .....	16
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành .....	18
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác ..	18
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	18
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....	19
10. Hoạt động kinh doanh.....	19
11. Chính sách đối với người lao động .....	24
12. Chính sách cổ tức.....	25
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành .....	25
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu: .....	25
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	25
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>26</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	26
2. Tình hình tài chính .....	28
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành .....	33
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	33





<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>34</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	34
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	35
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng .....	36
<b>VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP .....</b>	<b>48</b>
1. Thông tin chung về Công ty.....	48
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty .....	48
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty.....	49
4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty .....	50
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty bị sáp nhập, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty bị sáp nhập, những công ty mà Công ty bị sáp nhập nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối .....	52
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty .....	54
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác .....	55
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	55
9. Hoạt động kinh doanh.....	56
10. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	57
11. Tình hình tài chính .....	59
12. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty .....	64
13. Thông tin về cổ đông lớn/chủ sở hữu công ty/thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên .....	64
14. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng .....	64
15. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	77
16. Chính sách đối với người lao động .....	77
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:.....	79
18. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu:.....	79
19. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	79
<b>VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH .....</b>	<b>79</b>
1. Loại cổ phiếu.....	79
2. Mệnh giá .....	79
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành .....	79
4. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá .....	79
5. Đối tượng phát hành để hoán đổi.....	79
6. Tỷ lệ hoán đổi .....	79
7. Phương thức phân phối.....	80
8. Lịch trình phân phối dự kiến .....	80



9. Mối quan hệ giữa Tổ chức phát hành với Công ty bị sáp nhập .....	81
10. Ý kiến của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế được thực hiện hoặc tập trung kinh tế có điều kiện.....	81
11. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	81
12. Các loại thuế có liên quan .....	82
13. Thông tin về các cam kết.....	82
<b>IX. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....</b>	<b>83</b>
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH .....</b>	<b>83</b>
<b>XI. PHỤ LỤC .....</b>	<b>84</b>
<b>NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN .....</b>	<b>85</b>

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/11/2021.....	18
Bảng 2: Tình hình tài sản tại 31/12/2021 .....	19
Bảng 3: Danh sách một số tài sản lớn của Công ty tại 31/12/2021 .....	20
Bảng 4: Cơ cấu trình độ lao động .....	24
Bảng 5: Chính sách cổ tức giai đoạn 2019 - 2021 .....	25
Bảng 6: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.....	26
Bảng 7: Báo cáo về vốn .....	28
Bảng 8: Tình hình các khoản phải thu.....	29
Bảng 9: Tình hình các khoản phải trả .....	30
Bảng 10: Tình hình nộp thuế .....	31
Bảng 11: Số dư các quỹ.....	31
Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	32
Bảng 13: Kế hoạch năm 2021 .....	33
Bảng 14: Quá trình tăng vốn của GTN.....	54
Bảng 15: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/11/2021.....	55
Bảng 16: Tình hình tài sản tại 31/12/2021 .....	56
Bảng 17: Danh sách một số tài sản lớn của Công ty tại 31/12/2021 .....	56
Bảng 18: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh.....	57
Bảng 19: Báo cáo về vốn .....	59
Bảng 20: Tình hình các khoản phải thu.....	60
Bảng 21: Tình hình các khoản phải trả .....	60
Bảng 22: Tình hình nộp thuế .....	61
Bảng 23: Số dư các quỹ.....	62
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính.....	62
Bảng 25: Cơ cấu trình độ lao động .....	77
Bảng 26: Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành .....	80

**DANH MỤC CÁC HÌNH**

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm .....	7
Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm.....	7
Hình 3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm công ty.....	12
Hình 4. Sơ đồ tổ chức VLC .....	13
Hình 5. Sơ đồ tổ chức GTN.....	50

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành – Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Bà Mai Kiều Liên	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Quốc Dũng	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Hà Thị Diệu Thu	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Hoàng Thị Hà	Chức vụ: Quyền Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Công ty bị sáp nhập – Công ty Cổ phần GTNfoods**

Bà Mai Kiều Liên	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Quốc Dũng	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Hà Thị Diệu Thu	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Mạnh Cường	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**3. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – Chi nhánh Hà Nội**

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc Khối – Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

*(Giấy ủy quyền số: 14/2020/UQ-SSI do Ông Nguyễn Hồng Nam – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 04/09/2020)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 01/2021/SSI-HN/NHĐT đã ký ngày 25 tháng 02 năm 2021 với Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cung cấp.

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

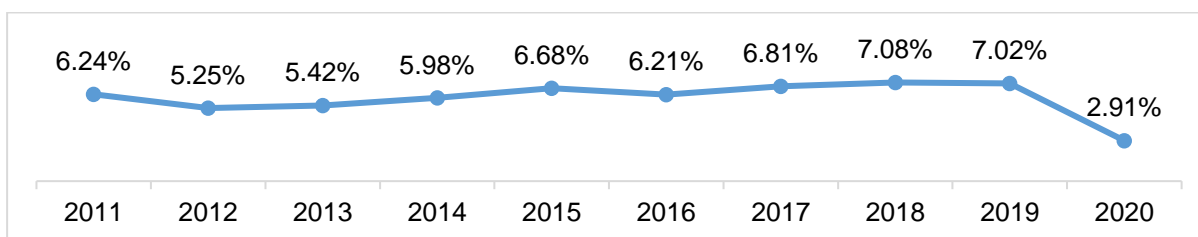
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (gọi tắt là “VLC” hoặc “Tổng Công ty”) được thành lập gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học – kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu... hoạt động trong ngành chăn nuôi. Do đặc thù ngành nghề hoạt động, công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### Tăng trưởng kinh tế

Mảng kinh doanh của VLC gắn liền với nhu cầu tiêu dùng, do đó liên quan trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây. Năm 2019, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, vượt mức Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch CoVID-19, kinh tế chỉ tăng trưởng 2,91% nhưng vẫn nằm trong nhóm các nước tăng trưởng dẫn đầu khu vực và thế giới, trong bối cảnh nhiều nước tăng trưởng âm trong năm nay. Năm 2021, nhiều nước trên thế giới đã triển khai tiêm vaccine trên phạm vi quốc gia. Điều này đưa đến hi vọng về việc dịch bệnh sẽ sớm được kiểm soát, dẫn đến sự phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng. Ngày 29/12/2021, Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã công bố báo cáo tăng trưởng của cả năm 2021, ước tính đạt 2,58%. Mức tăng trưởng này đã phản ánh những khó khăn do dịch COVID-19 tới mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 khi nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Hình 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm

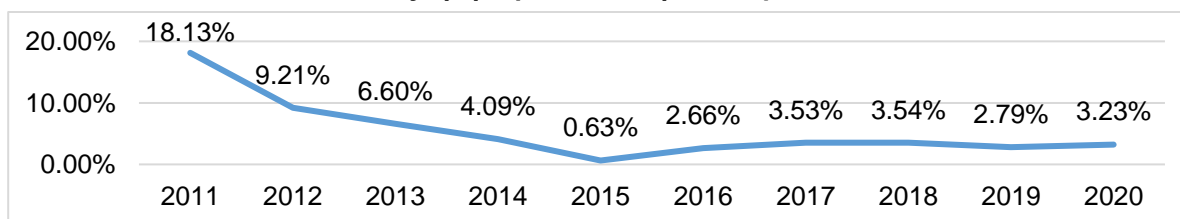


Nguồn: Tổng cục thống kê

#### Lạm phát

Trải qua giai đoạn lạm phát rất cao những năm 2008-2012, với chính sách hướng tới ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát của Việt Nam đã dần được kiểm soát. Giai đoạn 2016-2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô. Năm 2020, trong điều kiện Chính phủ thực hiện nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế trong điều kiện dịch bệnh, lãi suất giảm mạnh và nhiều gói cứu trợ được đưa ra, lạm phát vẫn đang được kiểm soát ở mức hợp lý, chỉ 3,23%. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020 là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 5 năm trở lại đây (giai đoạn 2016-2021)

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

### **Lãi suất**

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh, với các chính sách miễn giảm lãi vay của nhà nước và chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, lãi suất cho vay doanh nghiệp ngày càng giảm, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp giúp hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về Luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành sản xuất cũng như nền kinh tế. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Như các công ty hoạt động dưới hình thức CTCP khác, VLC chịu điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư... và các thông tư, nghị định liên quan đến lĩnh vực của mình. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định pháp luật nói trên cũng có thể tác động đến hoạt động của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động. Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

## **3. Rủi ro đặc thù**

### **Rủi ro về dịch bệnh**

Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của Tổng Công ty. Trong giai đoạn vừa qua, ngành chăn nuôi phải đối mặt với nhiều dịch bệnh trên đàn lợn như dịch tả Châu Phi... Vilico là Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống gia cầm, gia súc, khi có dịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất chăn nuôi của Tổng Công ty. Ngoài ra, những lo ngại về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng dẫn đến sản lượng tiêu thụ các thực phẩm gia súc, gia cầm giảm theo. Rõ ràng, để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, chăn nuôi trang trại, công nghiệp là xu thế tất yếu của phát triển ngành chăn nuôi trong tương lai. Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách đối đa.

### **Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng**

Những mối nguy hại của sản phẩm làm cho sản phẩm không sử dụng được, hoặc gây hại cho người tiêu dùng, hoặc sản phẩm hư hỏng bị yêu cầu thu hồi nhằm tránh gây nguy hại cho người tiêu dùng.

### **Rủi ro cạnh tranh**

Chăn nuôi là một trong những lĩnh vực sản xuất truyền thống của Việt Nam, đặc thù sản xuất đơn giản, rào cản gia nhập ngành thấp, vì vậy, cạnh tranh trong lĩnh vực này khá gay gắt với nhiều doanh nghiệp lớn nhỏ trên thị trường. Sức ép cạnh tranh đến từ các đối thủ hiện hữu trên thị trường tiềm ẩn

rủi ro đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và sự gia tăng cạnh tranh cả về số lượng lẫn mức độ cạnh tranh các đối thủ.

#### **4. Rủi ro của đợt phát hành**

Với mục đích khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) sẽ phát hành thêm cổ phiếu VLC cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu GTN đang lưu hành theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần GTNfoods. Tuy nhiên, trong môi trường kinh doanh luôn tồn tại rủi ro dẫn đến việc kế hoạch kinh doanh theo phương án sáp nhập không thể đạt được do những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Nhận thức được điều này, ban lãnh đạo VLC cũng như GTN đã có những đánh giá phân tích kỹ lưỡng về thị trường khi xây dựng kế hoạch kinh doanh, cũng như xây dựng những kịch bản nhằm ứng phó với những tình huống bất lợi, nhằm đảm bảo phương án sáp nhập và triển khai kinh doanh sau sáp nhập được thực hiện theo đúng kế hoạch giúp gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và cổ đông, đạt được những mục tiêu đề ra.

#### **5. Rủi ro pha loãng**

Việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành, dẫn đến việc xảy ra các rủi ro pha loãng sau:

- Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); và
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.

#### **6. Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, VLC tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

#### **7. Rủi ro khác (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)**

Giá cổ phiếu của Công ty không thể tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu VLC đã được đăng ký giao dịch trên UPCOM, các yếu tố trên càng trở nên nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**


- BKS : Ban Kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- CBTT : Công bố thông tin
- CD : Cổ đông
- CK : Chứng khoán
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- GTN : Công ty cổ phần GTNfoods
- HĐ : Hợp đồng
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- HNX : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- HSX : Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- MCM : Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu
- SSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UPCOM : Thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- VLC : Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
- VNM, Vinamilk : Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam





#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

##### **1. Thông tin chung về tổ chức phát hành**

- Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP
- Tên tiếng Anh: VIETNAM LIVESTOCK CORPORATION – JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKKD: Số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020).
- Trụ sở chính: Số 519 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại (84-24) 3862 6769 – 3862 6763
- Fax (84-24) 3862 3645
- Website: <http://www.vilico.vn>
- Vốn điều lệ 631.010.000.000 đồng (Sáu trăm ba một tỷ, không trăm mười triệu đồng)
- Mã cổ phiếu VLC
- Sàn đăng ký giao dịch UPCOM
- Người đại diện pháp luật Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng Giám đốc
- Logo 
- Ngành nghề kinh doanh chính
  - + Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
  - + Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
  - + Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
  - + Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
  - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

##### **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bao gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học – kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu,... hoạt động trong ngành chăn nuôi, nhằm thực hiện việc tích tụ, tập trung phân công chuyên môn hóa và hợp tác kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ nhà nước giao, nâng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế của từng đơn vị thành viên và toàn Tổng Công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

- Năm 1996 - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862 NN-

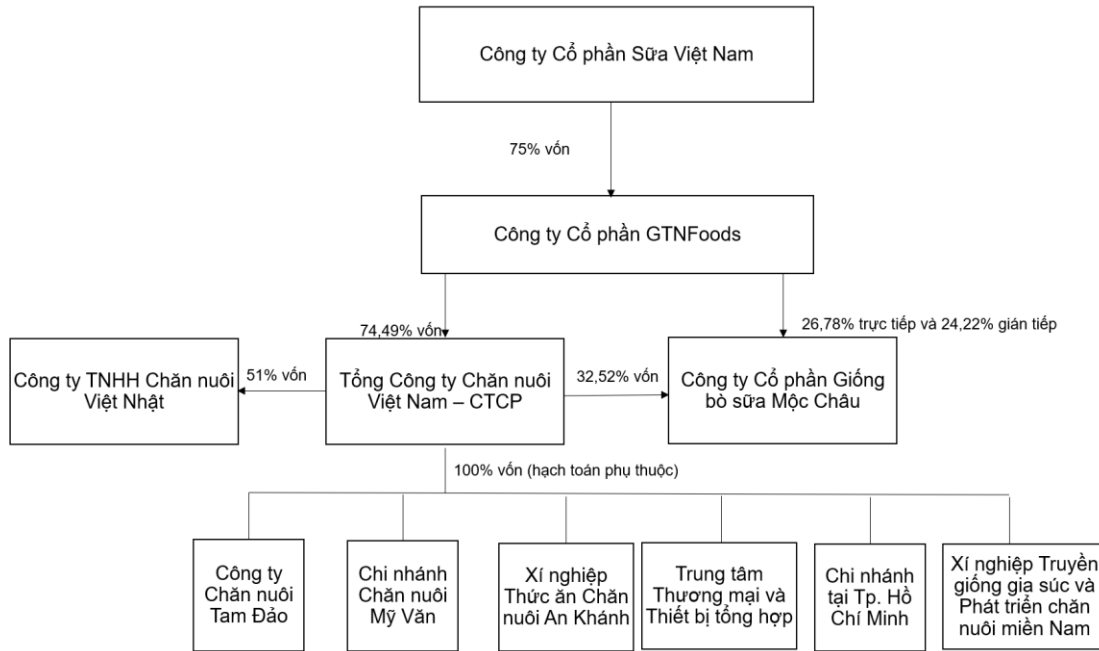


TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Năm 2005 - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2799/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Năm 2010 - Công ty mẹ - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1470/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Năm 2013 - Thực hiện Quyết định số 119/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng Công ty đã liên tục triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc để cổ phần hóa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên.
  - Ngày 26/6/2013 Tổng Công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần.
  - Ngày 01/7/2013 Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.
  - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/7/2013, kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên theo các quy định của pháp luật.
- Năm 2015 - Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP triển khai thực hiện phương án thoái toàn bộ phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty. Đến tháng 6/2016 phương án thoái toàn bộ vốn nhà nước tại Tổng Công ty đã được thực hiện hoàn tất và trong cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty không còn cổ đông nhà nước.
- Năm 2017 - Từ tháng 01/2017 Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần GTNfoods.

### **3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm công ty**

**Hình 3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm công ty**

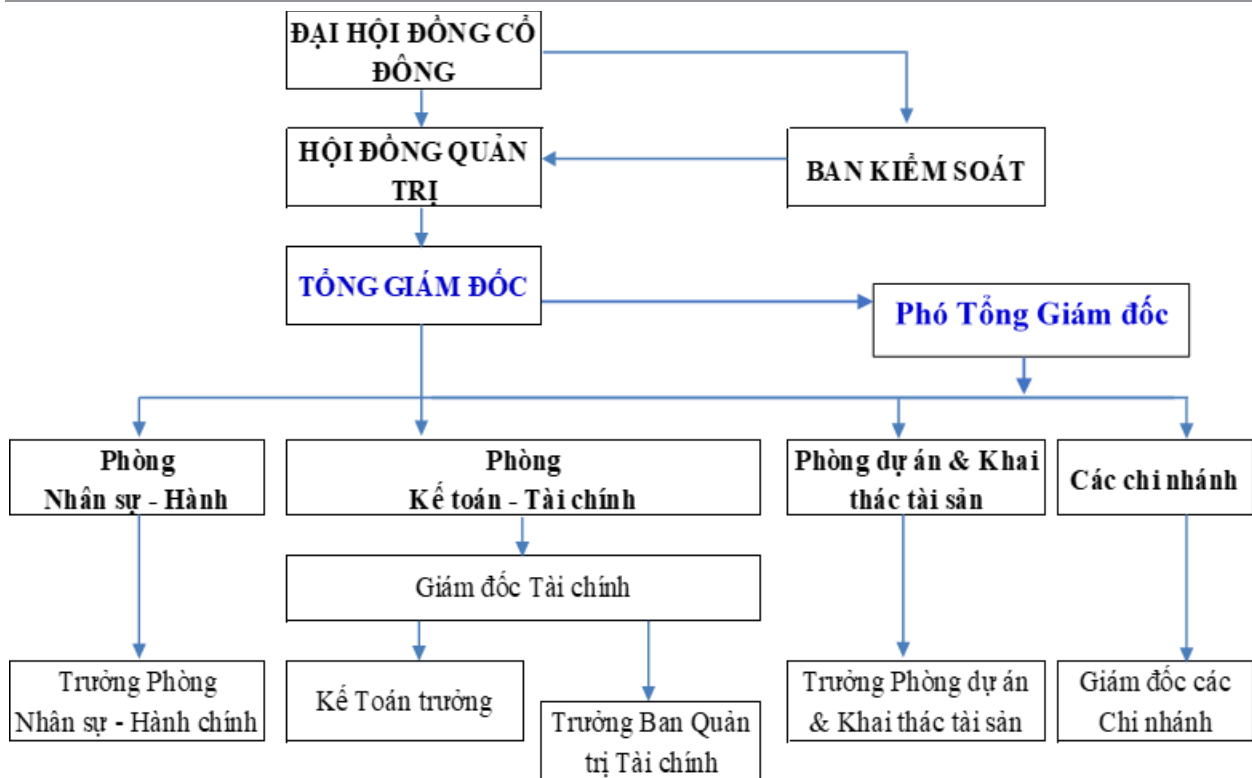


*Nguồn: VLC*

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP nằm trong nhóm các công ty thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. VLC có công ty mẹ là Công ty Cổ phần GTNFoods và công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu. Thông tin về các công ty này được trình bày chi tiết tại mục 5 dưới đây.

**4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VLC**

**Hình 4. Sơ đồ tổ chức VLC**



Nguồn: VLC

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền chính sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT của Công ty gồm 03 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. Trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền chính sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;



- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

❖ **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm phối hợp cùng Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

❖ **Phòng Nhân sự - hành chính**

Phòng hành chính nhân sự phụ trách 02 mảng chính gồm: mảng Hành chính và mảng Nhân sự. Chức năng của từng phòng như sau:

**Đối với mảng Hành chính:**

- Thực hiện công tác quản lý hành chính;
- Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nội quy, Quy chế của Công ty;
- Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng;

**Đối với mảng Nhân sự:**

- Đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Công ty;



- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cho Công ty, tổ chức thực hiện các quy định đó;
- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, quý, tháng, theo yêu cầu của công ty và các bộ phận liên quan;
- Tổ chức tuyển dụng theo chương trình đã phê duyệt;
- Tổ chức theo dõi và ký hợp đồng lao động cho Người lao động;
- Quản lý hồ sơ, lý lịch của nhân viên toàn công ty;
- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động nhân sự, theo dõi biến động nhân sự;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức triển khai và kiểm tra công tác đào tạo của Công ty đồng thời đánh giá chất lượng đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả trong công việc của cá nhân theo mục tiêu của công ty;

#### ❖ **Phòng Kế toán - tài chính:**

Là cơ quan tham mưu cho TGD và HĐQT về công tác tài chính kế toán của công ty và trực tiếp thực hiện các hoạt động tài chính, kế toán bao gồm các công việc: Tài chính, kế toán tài vụ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty.

#### ❖ **Phòng dự án và khai thác tài sản**

Là cơ quan tham mưu giúp việc cho TGD trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng, hàng quý, hàng năm và công tác phát triển thị trường và quản lý các tài sản thuộc sở hữu của VLC. Là tổ chức tham mưu cho TGD và HĐQT để chuẩn bị triển khai các dự án đồng thời kiểm soát, theo dõi quá trình thanh quyết toán dự án.

#### ❖ **Các chi nhánh:**

VLC tổ chức các chi nhánh dưới hình thức công ty hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, xí nghiệp và các trung tâm để phục vụ hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Công ty Chăn nuôi Tam Đảo: có trụ sở tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn: có trụ sở tại xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi An Khánh: có trụ sở tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Trung tâm Thương mại và Thiết bị tổng hợp: có trụ sở tại số 6 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP: có trụ sở tại số 87 Nguyễn Du, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Truyền giống gia súc và Phát triển chăn nuôi miền Nam: có trụ sở tại 42/18 Nguyễn Bình Khiêm, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

### **5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành**



Công ty mẹ của VLC là **Công ty Cổ phần GTNfoods**:

- Ngày thành lập: 30/05/2011
- Đăng ký kinh doanh: số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư tài chính, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu, bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm phục vụ chăn nuôi; Chăn nuôi bò sữa và sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ sữa; Sản xuất và kinh doanh các loại chè, bán buôn vật liệu, thiết bị phục vụ sản xuất chè, kinh doanh vật tư, nguyên nhiên vật liệu, máy móc, phụ tùng, thiết bị máy chế biến chè và lắp đặt thiết bị tại các nhà máy chè.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết hiện của GTN tại VLC: 74,49%

### **5.2. Công ty con của tổ chức phát hành**

#### **• Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)**

- Ngày thành lập: 29/12/2004
- Đăng ký kinh doanh: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn la cấp lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/03/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
- Tỷ lệ sở hữu của VLC: 32,5%
- Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 59,3%. Công ty mẹ của VLC là Công ty Cổ phần GTNFoods đã ủy quyền cho VLC đại diện toàn bộ 26,78% quyền biểu quyết của GTN tại MCM. Theo đó VLC xác định MCM là công ty con của VLC.

#### **• Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**

- Ngày thành lập: 27/09/2021
- Đăng ký kinh doanh: số 0109752537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2021.
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ thịt.
- Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của VLC: 51%. VLC hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật ngày 15/11/2021.

### **5.3. Công ty liên kết của tổ chức phát hành:**

#### **• Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội**

- Ngày thành lập: 27/02/2014
- Đăng ký kinh doanh: số 0100149691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/10/2015
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi
- Tỷ lệ sở hữu của VLC: 36,00%
- Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 36,00%

#### **• Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng**

- Ngày thành lập: 26/12/2007
- Đăng ký kinh doanh: số 0200102640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu



ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/05/2016

- Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Dịch vụ hỗ trợ vận tải
- Tỷ lệ sở hữu của VLC: 30,00%
- Tỷ lệ biểu quyết của VLC: 30,00%

## 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo chỉ đạo của Chính Phủ trong năm 2013, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/07/2013 với số vốn điều lệ là 631.010.000.000 VNĐ. Số vốn điều lệ của VLC không thay đổi đến thời điểm hiện tại.

## 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Từ năm 2019 đến nay, VLC không thực hiện bất cứ khoản góp vốn hoặc thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 8.1. Cổ phiếu phổ thông (nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)

**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/11/2021**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>6</b>	<b>49.064.736</b>	<b>77,756%</b>
	Trong nước	5	49.061.736	77,751%
	Nước ngoài	1	3.000	0,005%
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>1.267</b>	<b>14.036.264</b>	<b>22,244%</b>
	Trong nước	1.259	14.025.464	22,227%
	Nước ngoài	8	10.800	0,017%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.273</b>	<b>63.101.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: VLC*

Tổ chức phát hành có 1 cổ đông là tổ chức trong nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là Công ty mẹ - **Công ty cổ phần GTNfoods:**

- Ngày thành lập: 30/05/2011
- Đăng ký kinh doanh: số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020





- Số cổ phần VLC do GTN nắm giữ: 47.003.136 cổ phần.
- Tỷ lệ nắm giữ của GTN: 74,49%

### 8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

### 8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0,02%

VLC đã nhận được Công văn số 1930/UBCK-PTTT do UBCKNN ban hành ngày 12/05/2021 về việc đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VLC ở mức 100% đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hiện tại công ty mẹ VLC chủ yếu đóng vai trò là công ty quản lý các khoản đầu tư tại các Công ty con và công ty liên kết, trong đó trọng tâm là tại công ty con - Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM) với ngành nghề chính là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò. Hơn 90% doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ các hoạt động này của MCM.

Là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày cho cuộc sống, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

### 10.2. Tài sản

**Bảng 2: Tình hình tài sản tại 31/12/2021**

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>151.945</b>	<b>18.208</b>	<b>1.000.947</b>	<b>158.754</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	122.349	14.810	292.389	56.987
Máy móc thiết bị	25.254	2.502	553.910	38.290
Thiết bị văn phòng	133	-	9.927	8.769
Phương tiện vận tải	4.209	895.674	65.508	9.366



Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	-	-	74.385	45.129
Tài sản cố định khác	-	-	4.828	211.179
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>299</b>	<b>-</b>	<b>4.287</b>	<b>1.220</b>
Tài sản cố định vô hình	299	-	4.287	1.220

Nguồn: BCTC quý 4 toán của VLC năm 2021

**Bảng 3: Danh sách một số tài sản lớn của Công ty tại 31/12/2021**

Đơn vị: triệu VNĐ

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Dây chuyền chế biến sữa + máy rót 1	27.972.673.682	<b>0</b>
Máy rót số 4 - TBA 200 S	13.339.630.007	0
Dây chuyền UHT	15.678.338.650	0
Máy rót A3 (số 1)	40.187.326.310	0
Máy rót sữa chua	20.245.401.349	0
Máy rót A3	42.881.109.294	0
Dây chuyền CB sữa UHT 12000l/h	39.362.612.366	0
Thiết bị dây chuyền TMR	15.925.478.286	<b>0</b>
Máy rót sữa chua (2 máy)	27.141.872.555	0
Máy rót sữa A3	47.500.653.475	7.511.621.978

Nguồn: VLC

### 10.3. Thị trường hoạt động

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của VLC diễn ra hoàn toàn trên lãnh thổ Việt Nam

### 10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Kết quả kinh doanh năm 2020 cho thấy VLC đang thay đổi theo chiều hướng tích cực, công ty tăng trưởng và phát triển tốt so với cùng kỳ năm 2019, vượt kế hoạch lợi nhuận được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua, cụ thể:

Công ty mẹ: Doanh thu thuần đạt 3,5 tỷ đồng, giảm 92% so với năm 2019, hoàn thành 75% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 110 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2019, hoàn thành 155% kế hoạch (71 tỷ đồng).

Hợp nhất: Doanh thu thuần đạt 2.826 tỷ đồng, tăng 9 % so với năm 2019, hoàn thành 97% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 308 tỷ đồng, tăng trưởng 78 % so với năm 2019, hoàn thành 193% kế hoạch năm (160 tỷ đồng).

Vilico đang trong quá trình tái cấu trúc mạnh, thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không nằm trong chiến lược phát triển chung của Tập đoàn, tập trung khai thác mảng kinh doanh có tiềm năng



tăng trưởng.

Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thoái vốn tại:

- 06 Công ty liên kết bao gồm: (1) CTCP Gà Giống Châu Thành, (2) CTCP Giống và Vật tư Chăn nuôi Bắc Trung Bộ, (3) CTCP Giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao, (4) CTCP An Đại Việt, (5) CTCP Đầu tư TM & CN Đông Á, và (6) Công ty cổ phần phát triển Giống gia súc Miền Trung.
- 01 khoản đầu tư khác: CTCP Đầu tư phát triển Xuất nhập khẩu Gia cầm

Tính đến ngày 31/12/2021, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 07 doanh nghiệp: bao gồm 02 công ty con, 02 Công ty liên kết và 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác.

Nhìn chung, kết quả hoạt động của Vilico năm 2021 chủ yếu được phản ánh qua công ty con chủ lực - CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu, doanh thu của MCM chiếm hơn 90% doanh thu hợp nhất. Lợi nhuận Mộc Châu Milk 2020 so với cùng kỳ 2019 tăng trưởng tốt sau khi áp dụng các biện pháp tái cơ cấu hệ thống bán hàng, đánh giá và thay đổi chính sách nhà phân phối, giá bán sản phẩm cũng như tối ưu hóa chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Ngoài ra, trong năm 2020, Vilico cũng thực hiện thoái vốn thành công một số Công ty liên kết và khoản đầu tư không hiệu quả, tập trung vào các mảng hoạt động tiềm năng cốt lõi, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

### 10.5. Các hợp đồng lớn

Trong năm 2020-2021, hoạt động kinh doanh của VLC tập trung chủ yếu tại MCM và các công ty liên kết. VLC hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

Danh sách các hợp đồng lớn của VLC và MCM trong hai năm 2020-2021 và đến thời điểm hiện tại như sau:

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Thực Phẩm Tuấn Hà	Sữa	94,508	16/3/2020	16/3/2020
2	Công ty TNHH KDTM Thuận Hưng	Sữa	93,694	16/3/2020	16/3/2020
3	Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	Sữa	93,345	16/3/2020	16/3/2020
4	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Dương	Sữa	69,910	12/6/2020	12/6/2020
5	Công ty CP SỮA VN- NMS TIỀN SƠN (*)	Sữa tươi nguyên liệu	472,799	14/4/2020	14/4/2020
6	Công ty CP nông nghiệp AGRO	Khô dầu, ngô hạt	146	1/1/2021	1/1/2021
7	Tetra Pak South East Asia pte Ltd	Máy rót A3	84	22/02/2021	22/02/2021
8	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	225	01/1/2021	01/1/2021

(\*) là nhà máy sữa, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Còn các đối tác nêu trên không



có quan hệ gì với thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, cổ đông lớn của VLC.

### 10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Với mô hình kinh doanh của VLC, hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra ở công ty con MCM. VLC không có khách hàng và nhà cung cấp lớn trực tiếp mà chủ yếu thông qua công ty con.

Danh sách khách hàng lớn của VLC và MCM trong năm 2020-2021 và đến thời điểm hiện tại như sau:

Stt	Tên khách hàng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Thực Phẩm Tuấn Hà	Sữa	94,508	16/3/2020	16/3/2020
2	Công ty TNHH KDTM Thuận Hưng	Sữa	93,694	16/3/2020	16/3/2020
3	Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	Sữa	93,345	16/3/2020	16/3/2020
4	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Dương	Sữa	69,910	12/6/2020	12/6/2020
5	Công ty CP SỮA VN- NMS TIỀN SƠN (*)	Sữa tươi nguyên liệu	472,799	14/4/2020	14/4/2020

(\*) là nhà máy sữa, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Còn các khách hàng nêu trên không có quan hệ gì với thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, cổ đông lớn của VLC.

Một số nhà cung cấp lớn của VLC và MCM gồm:

Stt	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Công ty CP nông nghiệp AGRO	Khô dầu, ngô hạt	146	1/1/2021	1/1/2021
2	Tetra Pak South East Asia pte Ltd	Máy rót A3	84	22/02/2021	22/02/2021
3	Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	Bao bì giấy sữa	225	01/1/2021	01/1/2021

Các nhà cung cấp này của Công ty không có mối quan hệ gì với các thành viên ban lãnh đạo (thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát) của Công ty.

### 10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

#### Vị thế trong ngành

Với mô hình kinh doanh của VLC, hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung tại công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu. MCM hoạt động kinh doanh chủ yếu ở khu vực phía Bắc. Vị thế của Công ty còn hạn chế và thấp so với các thương hiệu lớn như Vinamilk, Frieslandcampina, Nutifoods. Đối với thị phần theo doanh thu, Bộ phận Phân tích của SSI ước tính Vinamilk hiện chiếm 54,2% thị phần, vượt xa các đối thủ khác như: Nutifood (12,1%), TH True Milk (9%), Mộc Châu (2,7%) và IDP (1,3%). Tại miền Bắc Việt Nam, ước tính MCM chiếm khoảng 18% thị phần.

#### Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, sản lượng sữa tươi sản xuất trong nước dự kiến đạt 1 tỷ lít, đáp ứng 38% nhu cầu tới năm 2020 và 1,4 tỷ lít, đáp ứng 40% nhu cầu năm 2025.

Các chuyên gia trong ngành sữa nhận định, trong tương lai ngành sữa vẫn được coi là tiềm năng bởi mức tiêu thụ sữa trên đầu người tại Việt Nam vẫn còn thấp. Nhu cầu sử dụng sữa bình quân đầu



người của Việt Nam chỉ đạt 26 lít/người/năm, trong khi Thái Lan là 35 lít/người/năm, Singapore là 45 lít/người/năm và các nước châu Âu từ 80 – 100 lít/người/năm. Theo Euromonitor, sản lượng tiêu thụ sữa và các sản phẩm từ sữa của Việt Nam đạt 1,76 triệu tấn (+8.6% ) trong năm 2020. Việt Nam thuộc top các quốc gia có mức tiêu thụ sữa khá thấp, chỉ với 26-27 kg/người/năm (trung bình thế giới đạt khoảng 100 kg/người/năm và trung bình tại châu Á đạt 38 kg/người/năm).

Báo cáo Triển vọng ngành sữa năm 2021 của Bộ phận phân tích Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI Research) khẳng định, triển vọng tăng trưởng năm 2021 ngành sữa ít nhạy cảm hơn với dịch COVID-19. Mặc dù sữa được coi là mặt hàng thiết yếu, nhưng xu hướng tiêu thụ có thể theo “mô hình chữ K”. Theo đó, nhu cầu từ người tiêu dùng có thu nhập thấp vẫn có thể bị ảnh hưởng do dịch COVID-19 đã gây thiệt hại đến thu nhập của nhóm này, hoặc đối với những người tiêu dùng nhạy cảm về giá. Các công ty như Vinamilk và Vinasoys đã chứng kiến hiện tượng cơ cấu sản phẩm bán ra dịch chuyển về phía các sản phẩm giá rẻ. Ngược lại, sự phân hóa sẽ tiếp tục diễn ra do nhóm thu nhập trung bình và cao ít bị ảnh hưởng hơn và họ vẫn sẽ có xu hướng gia tăng tiêu thụ các sản phẩm cao cấp.

### **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VLC so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá định hướng phát triển của VLC là hoàn toàn phù hợp so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

#### **10.8. Hoạt động Marketing**

Trong giai đoạn hiện tại, VLC chủ yếu tập trung vào hoạt động marketing hỗ trợ hoạt động kinh doanh của MCM và các Công ty liên kết, bao gồm hỗ trợ về phát triển chuỗi cửa hàng Mộc Châu Milk nhằm đẩy mạnh quảng bá thương hiệu sản phẩm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cũng như quảng bá trực tiếp, làm công tác thị trường bao gồm duy trì các thị trường hiện hữu và phát triển thị trường mới. Cùng với đó, VLC cũng hỗ trợ MCM trong việc xây dựng và triển khai các chương trình khuyến mãi cho khách hàng nhằm nâng cao sức tiêu thụ sản phẩm.

#### **10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

##### **Biểu tượng logo của Công ty:**

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.



#### **10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển**

Công tác nghiên cứu phát triển của Công ty tập trung hỗ trợ MCM phát triển các dòng sản phẩm thế mạnh từ sữa tươi nguyên chất như sữa tươi tiệt trùng, sữa tươi thanh trùng, sữa chua ăn, sữa chua uống, bơ, phomai, bánh sữa, váng sữa... Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, liên tục đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đưa thương hiệu Mộc Châu Milk gắn liền với các sản phẩm từ sữa tươi, đáp ứng nhu cầu về sữa tươi của người tiêu dùng Việt Nam.

#### **10.11. Chiến lược kinh doanh**

Tập trung nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất kinh doanh chủ lực của Tổng Công ty: Sản xuất chăn nuôi lợn (thực hiện tại Tổng Công ty); Chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa (thực hiện tại Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu-Công ty con của Tổng Công ty); Ngành giết mổ, chế biến sản phẩm từ gia súc, gia cầm (phát triển từng bước, phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế của Tổng Công ty).

Tiếp tục nuôi dưỡng, quản lý tốt đàn giống gia súc, gia cầm, đảm bảo an toàn dịch bệnh, từng bước

nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh. Sản xuất chăn nuôi đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, theo tiêu chuẩn VietGAP tiến tới GlobalGAP, trang trại hữu cơ.

Tăng cường tích lũy vốn để tập trung đầu tư phát triển vào những lĩnh vực, ngành hàng có triển vọng và mang tầm chiến lược.

Công ty con và các công ty liên kết gắn kết với Tổng Công ty thông qua góp vốn đầu tư, công nghệ, thương hiệu, uy tín và thị trường để từng bước hình thành từng ngành sản xuất chính: Chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò sữa, bò thịt; chăn nuôi gà; đồng thời có gắn với giết mổ, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu.

Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực được giao; hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khai thác tốt hơn, hiệu quả hơn các tiềm năng thế mạnh sẵn có, lợi thế của Tổng Công ty và các đơn vị về đất đai, vị trí địa lý, thương hiệu, sản phẩm.

#### **10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

Không có

### **11. Chính sách đối với người lao động**

#### **11.1. Số lượng và cơ cấu**

**Bảng 4: Cơ cấu trình độ lao động**

Chỉ tiêu	Số lượng lao động tại 31/12/2021			
	Công ty mẹ	%	Hợp nhất	%
1. Trên đại học	5	26,32	11	1,34
2. Đại học	12	63,16	169	20,58
3. Cao đẳng, Trung cấp	1	5,26	270	32,89
4. Khác (Lao động phổ thông)	1	5,26	371	45,19
<b>Tổng cộng</b>	<b>19</b>	<b>100</b>	<b>821</b>	<b>100</b>

Nguồn: VLC

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 15.800.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn, mức lương này ở mức trung bình khá. So với mức lương cơ bản quy định bởi Nhà nước, mức lương này được đánh giá tích cực đối với người lao động.

#### **11.2. Chính sách đối với người lao động**

- Là doanh nghiệp hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực nông nghiệp – chăn nuôi, với số lượng lao động làm việc đông, công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho người lao động. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ và thực hiện nghiêm túc theo quy định Pháp luật các chế độ lao động về bảo hiểm, an toàn lao động và các chế độ đãi ngộ khác đảm bảo các quyền lợi của người lao động, từ đó, người lao động luôn an tâm gắn bó với Công ty.
- Chính sách đào tạo: Đối với người lao động mới sẽ được Công ty thực hiện đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao



trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Chính sách lương thưởng: Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt, đảm bảo sự công bằng và khích lệ trong công việc đối với người lao động. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc. Thang bảng lương được xây dựng sắp xếp thành các bậc khác nhau, tiêu chí xếp hạng và mức lương của từng bậc được công khai để người lao động cùng theo dõi và phấn đấu.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn thực hiện các chế độ quan tâm, chăm sóc tới người lao động bằng các hình thức khen thưởng khác như tham quan dã ngoại để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Công ty chưa có chính sách phát hành cổ phiếu cho người lao động.

## 12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VLC và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông trên vốn điều lệ sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Tỷ lệ cổ tức chi trả hàng năm được thông qua tại Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên như sau:

**Bảng 5: Chính sách cổ tức giai đoạn 2019 - 2021**

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ vốn điều lệ
2019	6% bằng tiền
2020	6% bằng tiền
2021	6% bằng tiền

## 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành cam kết chỉnh sửa dự thảo điều lệ công ty sau sáp nhập và đảm bảo điều lệ công ty sau sáp nhập tuân thủ đúng quy định pháp luật.

## 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu:

Không có

## 15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức phát hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

**Bảng 6: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Năm 2021	% tăng/ giảm	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Năm 2021	% tăng/ giảm
Tổng tài sản	856.984	929.850	8,50%	985.642	6,00%	1.630.720	1.853.173	13,64%	3.199.554	72,65%
Doanh thu thuần	37.661	3.493	-90,73%	3.578	2,43%	2.595.479	2.825.788	8,87%	2.928.251	3,63%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	93.431	117.642	25,91%	97.176	-17,40%	187.483	334.888	78,62%	371.368	10,89%
Lợi nhuận (lỗ) khác	-618	-3.270	N/A	-2.803	-14,28%	-831	-8.901	N/A	-11.599	30,31%
Lợi nhuận trước thuế	92.813	114.372	23,23%	94.373	-17,49%	186.652	325.987	74,65%	359.769	10,36%
Lợi nhuận sau thuế	92.759	109.861	18,44%	92.654	-15,66%	172.920	307.678	77,93%	323.404	5,11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,8%	34,5%	-6,3%							
Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	6%	6%	0%	6%						

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC





Tổng tài sản hợp nhất năm 2020 tăng 13,64% lên 1.853 tỷ đồng, chủ yếu trong năm 2020 công ty thu hồi các khoản đầu tư dài hạn và tăng đầu tư vào các hợp đồng tiền gửi từ 625 tỷ đồng lên 1.130 tỷ đồng. Đồng thời các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 87 tỷ lên 162 tỷ cuối năm 2020. Tương tự, tổng tài sản công ty mẹ tăng 8,5% lên 930 tỷ đồng trong năm 2020.

Doanh thu thuần hợp nhất tăng 8,87% chủ yếu do doanh thu từ công ty con Mộc Châu Milk tăng trưởng so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 78.62% lên 334,9 tỷ đồng do công ty con cơ cấu lại hoạt động bán hàng, tối ưu chi phí, cải thiện biên lợi nhuận gộp. Lợi nhuận sau thuế đạt 307,7 tỷ đồng tăng 77.93%.

Doanh thu công ty mẹ trong năm 2020 giảm từ 37,6 tỷ còn 3,5 tỷ do không còn doanh thu từ hoạt động chăn nuôi lợn. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 25,9% nhờ vào hoạt động tài chính. Doanh thu tài chính trong kỳ của VLC ghi nhận 119 tỷ đồng tăng 5% so với cùng kỳ chủ yếu là cổ tức được chia và lãi tiền gửi. Ngoài ra công ty cắt giảm mạnh chi phí quản lý từ 15,8 tỷ còn 9,5 tỷ. Do đó, kết thúc năm 2020, lợi nhuận sau thuế VLC đạt 109,86 tỷ đồng tăng 18,44%.

## **1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành**

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về nguồn nguyên liệu sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu thụ giảm sút do nhu cầu người dân giảm ảnh hưởng từ việc giãn cách xã hội. Một số doanh nghiệp có nhân viên bị nhiễm Covid19 phải tạm dừng hoạt động để phòng dịch bệnh hoặc phải giãn cách cán bộ nhân viên dẫn đến giảm sản lượng. Bên cạnh đó, dịch Covid 19 còn khiến các doanh nghiệp tăng chi phí sản xuất như chi phí phun khử trùng, chi phí khẩu trang, bảo hộ y tế, chi phí xét nghiệm... Trong năm 2020, hoạt động kinh doanh của VLC cũng chịu ảnh hưởng chung của dịch Covid 19. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh vẫn khả quan nhờ vào kết quả kinh doanh của Công ty con Mộc Châu Milk và tái cấu trúc lại các khoản đầu tư.

Kể từ thời điểm VLC là công ty thành viên của Vinamilk, các hoạt động của VLC được hỗ trợ và điều hành bởi các nhân sự chủ chốt của công ty mẹ. Công ty đã tiến hành cơ cấu lại hoạt động đầu tư của VLC. Trong đó năm 2020 công ty đã thoái vốn tại 5 công ty liên kết bao gồm: (1) CTCP Gà Giống Châu Thành, (2) CTCP Giống và Vật tư Chăn nuôi Bắc Trung Bộ, (3) CTCP Giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao, (4) CTCP An Đại Việt, và (5) CTCP Đầu tư TM & CN Đông Á. Đồng thời thoái vốn 1 khoản đầu tư khác là CTCP Đầu tư phát triển Xuất nhập khẩu Gia cầm.

Tính đến ngày 31/12/2020, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 07 doanh nghiệp: bao gồm 01 Công ty con, 03 Công ty liên kết và 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác. Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp (tính theo mệnh giá cổ phần) là hơn 373,3 tỷ đồng. Trong đó, giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con - Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu (hơn 340,6 tỷ đồng), chiếm 91,3 % tổng nguồn vốn đầu tư của Vilico tại các doanh nghiệp

Trong năm 2020, dưới sự điều hành của công ty mẹ, VLC và các công ty con cũng đã tập trung tiến hành tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, các kênh phân phối sản phẩm, tối ưu hóa các chương trình bán hàng, tiết giảm chi phí hoạt động, ưu tiên phát triển các vùng nguyên liệu, đảm bảo nguồn cung nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh.

Năm 2020, công ty mẹ hầu như không còn doanh thu từ chăn nuôi lợn nữa dẫn đến doanh thu của doanh nghiệp sụt giảm đáng kể so với năm 2019. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của công ty mẹ có sự cải thiện đạt 110 tỷ đồng, tăng 18.44% so với năm 2019 chủ yếu nhờ lãi từ việc thoái vốn tại các công ty con và công ty liên kết. Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất: doanh thu thuần năm 2020 của Vilico đạt 2.825,8 tỷ đồng, tăng 8,87% so với cùng kỳ nhờ doanh thu của công ty con là Mộc Châu Milk được cải thiện. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 77.93 % đạt 307.67 tỷ đồng chủ yếu nhờ Mộc



Châu Milk đã ổn định được kênh bán hàng cũng như đàm phán được giá đầu vào tốt hơn đối với các nhà cung cấp.

Năm 2021 tổng tài sản của công ty mẹ là 985.642 triệu đồng tăng 2,92% so với năm 2020. doanh thu trong năm 2021 tăng 2.43% so với 2020, lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động tài chính hơn 87 tỷ đồng, giảm 17.49% so với cùng kỳ năm 2020, do trích lập dự phòng các khoản đầu tư, chi phí quản lý tăng so với 2020 54%. Do đó, năm 2021 lãi sau thuế của công ty đạt 92.654 triệu đồng giảm hơn 15.66%.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

VLC không vay nợ, toàn bộ vốn chủ sở hữu được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh, chủ yếu là đầu tư vốn ở các công ty con và công ty liên kết cũng như đầu tư tài chính (tiền gửi). Trọng tâm của hoạt động đầu tư là khoản đầu tư vào công ty con MCM.

**Bảng 7: Báo cáo về vốn**

Đơn vị: triệu VNĐ

Vốn kinh doanh	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vốn điều lệ	631.010	631.010	631.010	631.010	631.010	631.010
Vốn chủ sở hữu	826.874	1.336.104	893.308	1.538.858	937.976	2.834.540

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC

#### Trích khấu hao tài sản cố định:

Ngoài một số máy móc thiết bị của công ty con được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần, các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và công ty con được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Các loại tài sản	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-33
Máy móc và thiết bị	5-30
Phương tiện vận tải	5-10
Thiết bị văn phòng	3-8
Tài sản khác	3-8
Súc vật làm việc, cho sản phẩm	4-8

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



## Tình hình công nợ

Bảng 8: Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>50.205</b>	<b>50.818</b>	<b>15.088</b>	<b>87.243</b>	<b>161.949</b>	<b>287.622</b>
Phải thu khách hàng	813	1.120	2.347	23.132	113.816	180.277
Trả trước người bán	175	318	415.273	9.017	906	16.033
Phải thu nội bộ	0	0	0	0	0	0
Phải thu về XDCB	0	0	0	0	0	0
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.850	150	0	1.850	150	0
Phải thu khác	50.346	50.721	12.565	56.224	48.567	91.551
Dự phòng nợ khó đòi	-2.980	-1.491	-239	-2.980	-1.491	-239
Tài sản thiếu chờ xử lý	0	0	0	0	0	0
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>31</b>	<b>165</b>	<b>165</b>
Phải thu dài hạn khác	0	0	0	31	165	165
<b>Tổng</b>	<b>50.205</b>	<b>50.818</b>	<b>15.088</b>	<b>87.274</b>	<b>162.114</b>	<b>287.787</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC

Hoạt động kinh doanh của VLC tại công ty mẹ hầu như không có phải thu khách hàng. Các khoản phải thu lớn chủ yếu là phải thu khác, gồm phải thu cổ tức của công ty có vốn góp của VLC và phải thu lãi tiền gửi. Công ty không có phải thu khó đòi ngoại trừ những khoản đã trích dự phòng.

Ở góc độ hợp nhất, các khoản phải thu khách hàng của VLC chủ yếu là hợp nhất các khoản phải thu của MCM. Trong năm 2020, phải thu khách hàng của MCM có xu hướng tăng mạnh so với năm 2019. Nguyên nhân là do trong năm 2020, MCM áp dụng hình thức bảo lãnh thanh toán để quản lý số dư phải thu các khách hàng. Theo đó, các khách hàng được nợ tiền hàng với tổng số dư nợ lũy kế dưới giá trị bảo lãnh mà khách hàng đó mở tại các ngân hàng thương mại. Như vậy, đa phần các khoản phải thu khách hàng của VLC (thuộc MCM) đều đã có bảo lãnh ngân hàng, khả năng thu hồi được đảm bảo.

**Các khoản phải trả:**

Bảng 9: Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>30.110</b>	<b>36.541</b>	<b>47.667</b>	<b>234.825</b>	<b>252.901</b>	<b>340.042</b>
Phải trả người bán	81	111	1.255	58.579	88.976	91.035
Người mua trả tiền trước	1.510	1.480	1.470	27.777	2.851	2.342
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	1.392	1.804	2.832	5.933	1.804	18.053
Phải trả người lao động	45	408	590	25.336	26.585	20.744
Chi phí phải trả	181	181	0	182	51.784	52.813
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	1.146	1.546	1.775	1.146	1.578	1.775
Phải trả ngắn hạn khác	5.940	6.119	5.960	57.816	21.784	11.929
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn						77.155
Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.815	24.892	33.784	58.057	58.201	64.196
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>59.791</b>	<b>61.414</b>	<b>24.973</b>
Phải trả dài hạn khác	0	0	0	55.434	60.090	21.901
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0	4.357	1.323	1.323
Dự phòng phải trả dài hạn	0	0	0	0	0	1.748
<b>Tổng</b>	<b>30.110</b>	<b>36.541</b>	<b>47.667</b>	<b>294.616</b>	<b>314.315</b>	<b>365.015</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC

Trong quá trình hoạt động, VLC luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.



VLC và MCM không thực hiện vay nợ trong 2 năm 2019 và 2020. Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là các khoản tiền người mua ứng trước, phải trả nhà cung cấp và quỹ hỗ trợ chăn nuôi (được ghi nhận thông qua các khoản phải trả dài hạn khác). Đây đều là các khoản công nợ phát sinh thông thường trong hoạt động kinh doanh của MCM.

#### Các khoản phải nộp theo luật định:

Các khoản phải nộp cho nhà nước: thuế và bảo hiểm thực hiện kê khai đầy đủ và nộp đúng kỳ hạn, tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật.

**Bảng 10: Tình hình nộp thuế**

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu (*)	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	1.804	73	5.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.842	1.027	1.288
Thuế giá trị thu nhập cá nhân	651	47	484
Thuế tài nguyên	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	636	657	657
Khác	-	-	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.933</b>	<b>1.804</b>	<b>8.053</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC

(\*) Giai đoạn 2019 – Quý III năm 2021, số liệu nộp thuế tại Công ty mẹ và hợp nhất là như nhau

#### Trích lập các quỹ:

Việc trích lập các quỹ được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật. Hàng năm, VLC trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

**Bảng 11: Số dư các quỹ**

Số dư các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2019		31/12/2020		31/12/2021	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Quỹ đầu tư phát triển	31.575	40.999	40.851	64.592	61.102	95.221
Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.815	58.057	24.892	58.201	33.784	64.195
Lợi nhuận chưa phân phối	164.288	243.744	221.447	330.740	245.864	556.642

Nguồn: BCTC kiểm toán của VLC năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của VLC

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** Trong năm 2021, VLC sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu



để hoán đổi và sáp nhập với GTN (hiện đang là công ty mẹ của VLC). Việc sáp nhập sẽ dẫn đến việc tăng vốn điều lệ của VLC và việc hợp nhất các tài sản và nguồn vốn của GTN vào báo cáo tài chính của VLC.

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	2019	2020	2021	2019	2020	2021
<b>1. Khả năng thanh toán</b>						
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	17,25	16,72	13,05	4,72	6,38	8,49
- Hệ số thanh toán nhanh:	17,25	16,71	13,05	3,70	5,57	7,92
<b>2. Cơ cấu vốn</b>						
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,04	0,04	0,05	0,18	0,17	0,11
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,04	0,04	0,05	0,22	0,20	0,13
<b>3. Năng lực hoạt động</b>						
- Vòng quay tổng tài sản:	0,05	0,00	0,00	1,61	1,62	1,16
- Vòng quay vốn lưu động:	0,08	0,01	0,01	2,52	2,31	1,50
- Vòng quay hàng tồn kho:	8,26	36,65	38,80	6,47	8,33	10,18
<b>4. Khả năng sinh lời</b>						
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	246,30%	3145,22%	2.582,33 %	6,66%	10,89%	11,04%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	10,82%	11,81%	9,40%	10,60%	16,60%	10,11%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	11,22%	12,30%	9,88%	12,94%	19,99%	11,41%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N.A	N.A	N/A	2.740	4.876	5.125

### Khả năng thanh toán:

Các chỉ số về thanh toán như hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn của công ty. Các hệ số này cao phản ánh công ty có nhiều tài sản có thể dễ dàng chuyển đổi nhằm đáp ứng các khoản thanh toán ngắn hạn. Trong giai đoạn 2019-2020, hệ số thanh toán ngắn hạn theo báo cáo tài chính công ty mẹ VLC luôn ở mức cao trong khoảng 16-17 lần, hệ số theo báo cáo tài chính hợp nhất trên 4 lần. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh của VLC cũng ở mức khá cao cho thấy tình trạng khả năng thanh toán tốt.

### Cơ cấu vốn:

Cơ cấu vốn cho biết cách mà công ty tài trợ tài chính cho tài sản thông qua cách kết hợp vốn chủ sở hữu và nợ. Phần lớn tài sản của VLC theo báo cáo tài chính công ty mẹ được tài trợ bởi vốn chủ do

đó, tỷ lệ nợ/tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu sở hữu của VLC khoảng 0,04 lần. Trong khi đó, tỷ lệ nợ hợp nhất của VLC cao hơn, tỷ lệ nợ/tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 2020 lần lượt là 0,17 lần và 0,2 lần, đều giảm so với đầu năm.

#### **Năng lực hoạt động:**

Vòng quay tài sản gần như không đổi trong giai đoạn 2019-2020, vòng quay vốn lưu động giảm còn 2.37 trong năm 2020 cho thấy công ty bị chiếm dụng nhiều vốn hơn. Ngược lại, vòng hàng tồn kho tăng lên 8.3 lần cho thấy công ty đã tối ưu quản lý tồn kho trong 2020.

#### **Khả năng sinh lời:**

Khả năng sinh lời của công ty tăng mạnh trong năm 2020. Thu nhập mỗi cổ phần tăng từ 2.740 VNĐ/Cổ phiếu tăng lên 4.876 VNĐ/Cổ phiếu. Hệ số sinh lời trên vốn chủ tăng mạnh lên trên 20% đạt 21,4%. Biên lợi nhuận ròng tăng 4,23% lên 10,89% trong năm 2020.

### **3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành**

Các báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 của VLC đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, và đều nhận được ý kiến chấp thuận toàn phần từ đơn vị kiểm toán.

### **4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

**Bảng 13: Kế hoạch năm 2021**

Chỉ tiêu	Năm 2021	
	Kế hoạch	% tăng/giảm
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	7 tỷ VNĐ	+200%
Lợi nhuận sau thuế	113 tỷ VNĐ	+2,9%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	16,14 lần	-51%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	N.A	N.A
Tỷ lệ cổ tức	600 đồng / cổ phiếu	+0%

*Nguồn: ĐHĐCĐ thường niên năm 2021*

#### **4.1. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên**

Kế hoạch kinh doanh nêu trên đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của VLC.

#### **4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

Chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của VLC sau sáp nhập sẽ tập trung vào những nội dung chính như sau:

- Khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng đưa Vilico trở thành đơn vị lớn trong lĩnh vực ngành chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt tại Việt Nam. Theo kết quả khảo sát thị trường do Công ty thực hiện thì đây là thị trường có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai:
  - Tổng quy mô thị trường thịt: hơn 10 tỉ USD – thịt trâu/bò hơn 2 tỉ đô
  - Xu hướng tăng trưởng thịt trâu/bò 6-7% năm gấp đôi thịt heo, gà...
  - Tổng đàn trâu, bò trong nước gần như không tăng qua các năm, chủ yếu là thịt trâu, bò nhập khẩu
  - Quy mô thị trường thịt trâu/bò trong nước 500.000 tấn/năm. Nhập khẩu để tiêu thụ nội địa



khoảng 300.000 tấn/năm

- Thịt bò cao cấp, chế biến sẵn nhập khẩu khoảng 60.000 tấn/năm tăng nhanh qua các năm gần đây.
  - Thịt bò mát hiện chưa có thị trường do thói quen tiêu dùng + hạn chế thời gian nhập khẩu nên không thể nhập khẩu tiêu thụ thịt bò mát.
- Do đó, VLC đang có chủ trương đầu tư trang trại bò thịt qui mô khai thác 20.000 con/năm với tổng vốn đầu tư không quá 1.700 tỷ đồng. Hình thức đầu tư là tự làm hoặc tìm đối tác có tiềm lực và kinh nghiệm tốt trong lĩnh vực này để thực hiện dự án.
  - Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển chăn nuôi bò sữa và sản xuất, kinh doanh các mặt hàng sữa thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu ("**Mộc Châu Milk**");
  - Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chè thông qua công ty liên kết là Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("**Vinatea**");
  - Tập trung nguồn lực để hỗ trợ và phát triển sản xuất kinh doanh các sản phẩm rượu vang, nước giải khát, sản phẩm điều thông qua công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng ("**Ladofoods**");
  - Ngoài ra, VLC cũng sẽ tiếp tục khai thác các nguồn lực sẵn có của VLC, Vinamilk và tiếp kiếm các cơ hội đầu tư khác trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chăn nuôi, nông nghiệp,... để phát triển VLC lớn mạnh hơn và bền vững trong dài hạn.
  - Tìm đối tác để thoái vốn các khoản đầu tư tại các công ty liên kết có qui mô nhỏ và hoặc không phải là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của VLC.

#### **4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.**

Dưới góc độ là nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI – chi nhánh Hà Nội (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của VLC cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

VLC với nền tảng là một doanh nghiệp nhà nước có truyền thống trong lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp đã từng bước chuyển mình sau khi Nhà nước thoái vốn và trở thành một trong những thành viên thuộc mạng lưới Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) – doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực này. Sự kết hợp này là nền tảng cho việc cải thiện hoạt động kinh doanh của VLC cả về mặt định hướng chiến lược cũng như vận hành. Trọng tâm trong kế hoạch kinh doanh năm 2021 chính là việc Công ty sẽ sáp nhập với GTN để tăng quy mô và hiệu quả hoạt động. Với một chiến lược kinh doanh rõ ràng cùng nền tảng tài chính tốt, được sự hỗ trợ của Vinamilk, VLC hoàn toàn có khả năng đạt được các chỉ tiêu do Đại hội cổ đông đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

## **VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

### **1. Thông tin về cổ đông sáng lập**





Tổ chức phát hành không còn cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng.

## 2. Thông tin về cổ đông lớn

VLC hiện có 3 cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần có biểu quyết của Công ty. Thông tin về tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn và những người có liên quan như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Số cổ phần nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ cổ phần hiện tại	Số cổ phần dự kiến sau đợt phát hành	Tỷ lệ cổ phần dự kiến sau đợt phát hành
1	Công ty Cổ phần GTNfoods			47.003.136	74,49%	0 (*)	0%
	Người có liên quan của GTN	Không nắm giữ cổ phiếu					
2	Phạm Thị Linh	5.060.600	8,02%	5.060.600	8,02%	5.060.600	8,02%
	Người có liên quan	Không nắm giữ cổ phiếu					
3	Đỗ Hoàng Phương	5.000.000	7,92%	5.000.000	7,92%	5.000.000	7,92%
	Người có liên quan	Không nắm giữ cổ phiếu					

(\*) Thông tin về số lượng cổ phần dự kiến của GTN sau đợt phát hành được trình bày chi tiết tại mục 2.1 dưới đây.

### 2.1. Thông tin chung về cổ đông lớn là cổ đông tổ chức

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần GTNfoods
- Năm thành lập: 30/05/2011
- Đăng ký kinh doanh: số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/05/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/02/2020
- Địa chỉ trụ sở chính: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng
- Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Quốc Dũng - Tổng Giám Đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có

hành: Không có

**2.2. Thông tin chung về cổ đông lớn là cổ đông cá nhân**

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch
1	Phạm Thị Linh	1961	Việt Nam
2	Đỗ Hoàng Phương	Không có thông tin	Việt Nam

**3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng****Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Trần Chí Sơn	Thành viên HĐQT

**❖ Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: Mai Kiều Liên
CMND/Hộ chiếu	: 001153002818, Cấp ngày 07/01/2016, nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 1953
Nơi sinh	: Pháp
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 5/84 Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
Quá trình công tác	:
1976 – 1983	: Đảm nhận các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.
1984 – 1992	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
1992 - nay	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk”).



2003 – 2015	:	Chủ tịch HĐQT Vinamilk
07/2007 – nay	:	- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
9/2010 – nay	:	Thành viên HĐQT, Miraka Limited
10/2013 – nay	:	Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa
12/2013 – nay	:	Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
5/2014 – nay	:	Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organiczona Odpowiedzialnoscia.
11/2018 – nay	:	Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Lao-Jagro Development Xiengkhuoang
2015 - nay	:	Thành viên HĐQT Vinamilk
Tháng 02/2020 – nay	:	Chủ tịch HĐQT CTCP Giống bò sữa Mộc Châu Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần GTNFoods Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thông tin về những người có liên quan : Không có  
đồng thời là cổ đông, người nội bộ của  
Tổ chức phát hành

Lợi ích liên quan đến Tổ chức phát hành :

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : không có, Năm 2020 : 92.000.000 đồng, năm 2021: 96.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

**❖ Ông Trịnh Quốc Dũng - thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Quốc Dũng
CMND/Hộ chiếu	:	042062000192, cấp ngày 22/03/2017, Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/10/1962
Nơi sinh	:	Hà Tĩnh



Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Căn hộ 1002, Tháp Sapphire 1, Saigon Pearl, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa
Quá trình công tác	:	
Từ 01/01/2020 đến nay	:	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần GTNFoods
Từ 15/02/2020 đến nay	:	Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNFoods, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
– 1998	:	Công tác ở các vị trí khác nhau tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).
1998 – 2005	:	Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện
2005 – 2012	:	Giám đốc Nhà máy sữa Nghệ An - Vinamilk
2012 – 2014	:	Giám đốc Nhà máy sữa Việt Nam - Vinamilk
2014 – nay	:	Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu - Vinamilk, Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa
2019 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Lào Jagro.
01/01/2020 – nay	:	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần GTNFoods
15/02/2020 – nay	:	Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNFoods, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
16/02/2020 – nay	:	Thành viên HĐQT CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu.
23/09/2020 – nay	:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNFoods, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam – CTCP
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần GTNFoods nắm giữ 47.003.136 cổ phần tương đương 74,49% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành	:	Không có



Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : không có, Năm 2020 : 121.000.000 đồng, năm 2021: 372.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trần Chí Sơn - thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Trần Chí Sơn
CMND/Hộ chiếu	:	086075000013
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	13/02/1975
Nơi sinh	:	Vĩnh Long
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	351/31 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán-Kiểm toán
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 6/2016 đến nay	:	Trưởng bộ phận tài chính Vinamilk
Từ năm 2005 đến 2016	:	Đảm nhận các vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR) tại Vinamilk
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần GTNFoods Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng Thành viên HĐQT Lao – Jargo Development Xiangkhouang Co., Ltd
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần GTNFoods nắm giữ 47.003.136 cổ phần



tương đương 74,49% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:  
Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : không có, Năm 2020 : 71.000.000 đồng, năm 2021: 72.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

#### **Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Huy Bích	Giám đốc tài chính

❖ Ông Trịnh Quốc Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc: như trên

❖ Ông Nguyễn Đăng Khoa - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên khai sinh : Nguyễn Đăng Khoa

CMND/Hộ chiếu : 024797005

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 03/07/1983

Nơi sinh : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 437/39 Hoàng Văn Thụ, P4, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh



Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân tự động hóa dây chuyền sản xuất- Đại học tổng hợp CN Sinh học Matxcova, Nga
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 12/2014 đến nay	:	Giám đốc Kỹ thuật-Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam
2012-2014	:	Quản đốc cơ điện-Nhà máy sữa Việt Nam, Bình Dương
2010-2012	:	Chuyên viên điều phối dự án-Phòng dự án, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
2007-2010	:	Kỹ sư cơ điện-Nhà máy sữa Thống Nhất-TP Hồ Chí Minh
Chức vụ hiện nay:	:	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Giám đốc Kỹ thuật-Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : 30.000.000 đồng, năm 2021: 180.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Lê Huy Bích - Giám đốc tài chính**

Họ và tên khai sinh : Lê Huy Bích

CMND/Hộ chiếu : 173070663



Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	22/05/1989
Nơi sinh	:	Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Thiệu Giang, Thiệu Hóa, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes I, Pháp
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 1 năm 2020	:	Giám đốc tài chính của GTNfoods, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam và Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 2016 tới nay,	:	Công tác tại nhiều vị trí khác nhau trong Bộ phận Tài chính của tại Vinamilk
Chức vụ hiện nay:	:	Giám đốc tài chính
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần GTNFoods Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Giống Gia Súc Miền Trung
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty Cổ phần GTNFoods nắm giữ 47.003.136 cổ phần tương đương 74,49% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:		Không có
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng		





giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : 77.000.000 đồng, năm 2021: 60.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

### Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trịnh Công Sơn	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trịnh Công Tuyển	Thành viên Ban kiểm soát

#### ❖ Bà Hà Thị Diệu Thu - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên khai sinh	:	Hà Thị Diệu Thu
CMND/Hộ chiếu	:	038189010436
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	25/08/1989
Nơi sinh	:	Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phước Sơn, Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế-Luật
Quá trình công tác	:	
05/2019-nay	:	Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
02/2016-04/2019	:	Chuyên viên Kiểm soát Nội bộ- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
10/2014-02/2016	:	Chuyên viên cấp cao Quản lý rủi ro & Chất lượng-Công ty TNHH PwC Việt Nam
07/2011 -10/2014	:	Trưởng nhóm Kiểm toán-Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam



Chức vụ hiện nay:	: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần GTNFoods
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: Công ty Cổ phần GTNFoods nắm giữ 47.003.136 cổ phần tương đương 74,49% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có	
+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:	
Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : 63.000.000 đồng, năm 2021: 72.000.000 đồng.	
Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có	

**❖ Ông Trịnh Công Sơn - thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	: Trịnh Công Sơn
CMND/Hộ chiếu	: 272069774
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/05/1992
Nơi sinh	: Đồng Nai
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 88/440 khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ văn hóa	: 12/12



Trình độ chuyên môn	:	Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA) Chứng chỉ kiểm toán viên (CPA Việt Nam)
Quá trình công tác	:	
Từ năm 2017 đến hiện nay	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Từ năm 2014 đến 2017	:	Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : 42.000.000 đồng, Năm 2021: 48.000.000 đồng.

Trưởng hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

❖ **Ông Trịnh Công Tuyền - thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Công Tuyền
CMND/Hộ chiếu	:	B9876821
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	12/09/1988



Nơi sinh	:	Đắk Lắk
Quốc tịch	:	Việt nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Chung cư Jamona City, Đường Đào Trí, phường Phú Nhuận, quận 7, Tp. HCM
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật thương mại, Đại học Luật TP HCM Chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ luật sư
Quá trình công tác	:	
2018-nay	:	Trưởng ban Pháp lý về hoạt động và đầu tư trong nước, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
2015-2018	:	Chuyên viên pháp lý-Phòng kiểm soát nội bộ& Quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
2011-2015	:	Trợ lý luật sư, Chuyên viên pháp lý cao cấp, Công ty luật Bizlaw
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Pháp lý về hoạt động và đầu tư trong nước, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : 42.000.000 đồng, năm 2021: 48.000.000 đồng.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:



hành: Không có

❖ **Bà Hoàng Thị Hà - Quyền Kế toán trưởng**

Họ và tên khai sinh	:	Hoàng Thị Hà
CMND/Hộ chiếu	:	033181002398
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	27/11/1981
Nơi sinh	:	Hưng Yên
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Nhà số 6, ngõ 73 Tân Nhuệ, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính kế toán, Chứng chỉ kế toán trưởng do Trường Đại học Quản trị kinh doanh cấp
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 1 năm 2021 đến nay	:	Quyền Kế toán trưởng, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam- CTCP
Năm 2020		Phụ trách tài chính kế toán, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP
Năm 2018-2020		Phó phòng Tài chính Kế toán, Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam-CTCP
Năm 2008-2016		Kế toán tổng hợp, Bệnh viện Giao thông vận tải
Năm 2005-2008		Kế toán tổng hợp, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 573
Chức vụ hiện nay:	:	Quyền Kế toán trưởng
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành :		Không có
Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:		
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức		



phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (như số tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký phát hành và đến thời điểm hiện tại:

Năm 2019 : Không có, Năm 2020 : Không có, Năm 2021 : 375.900.000 đồng

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

## VII. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP

### 1. Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
Tên tiếng Anh:	GTNFOODS JOINT STOCK COMPANY
Giấy CNĐKKD:	số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 05 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 25 tháng 02 năm 2020
Trụ sở chính:	92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	(84-24) 6276 6366
Fax	(84-24) 6276 6466
Website:	<a href="http://www.gtnfoods.com.vn">www.gtnfoods.com.vn</a>
Vốn điều lệ:	2.500.000.000.000 đồng
Mã cổ phiếu:	GTN
Sàn niêm yết:	HOSE
Người đại diện pháp luật	Ông Trịnh Quốc Dũng – Tổng giám đốc

Logo



Ngành nghề kinh doanh chính

Đầu tư tài chính

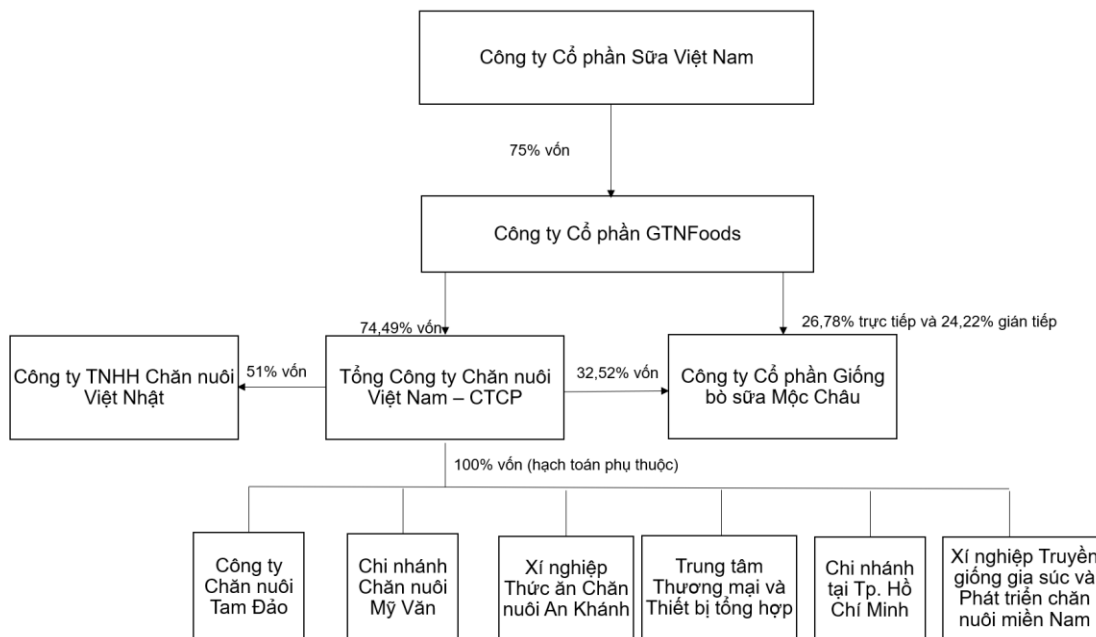
### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Ngày thành lập: Công ty Cổ phần GTNfoods được thành lập ngày 30/05/2011, với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, chuyên hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực như sản xuất tre công nghiệp, xây dựng hạ tầng, khoáng sản, vật liệu xây dựng, nhựa, nông sản và thực phẩm.



- Tháng 07/2013, GTNfoods mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thực Phẩm Lâm Đồng (Ladofoods).
- Tháng 05/2014, Chính thức niêm yết trên HOSE với mã chứng khoán GTN. Cũng trong năm này, Công ty đã xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và hàng tiêu dùng.
- Tháng 03/2015, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Ladofoods lên 35%.
- Tháng 12/2015, GTNfoods mua cổ phần của Vinatea với tỷ lệ sở hữu đạt 75%
- Quý I năm 2016, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vinatea lên 95%.
- Ngày 26/1/2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ từ 752 tỷ lên 1500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông chiến lược Invest Tây Đại Dương, TAEL.
- Ngày 18/11/2016, GTNfoods phát hành cổ phần riêng lẻ lần thứ hai trong vòng 1 năm từ 1500 tỷ lên 2500 tỷ với sự tham gia của các cổ đông hiện hữu là Invest Tây Đại Dương, TAEL và các cổ đông tổ chức mới là PENM, Hanil Feeds.
- Tháng 01/2017, GTNfoods sở hữu 65% Vilico qua đó hợp nhất Mộc Châu Milk.
- Tháng 06/2018, GTNfoods nâng tỷ lệ sở hữu tại Vilico lên 74,49%.
- Tháng 12/2019, GTNfoods trở thành công ty con của Vinamilk - tỷ lệ sở hữu 75%.
- Tháng 8/2020, GTNfoods thông báo sẽ đăng ký mua 29.454.210 cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk) nhằm tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị này.
- Tháng 2/2021, GTNfoods đã hoàn tất mua 29,4 triệu cổ phần của Mộc Châu Milk, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của GTNfoods tại Mộc Châu Milk lên 51%.

**3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu của nhóm Công ty**

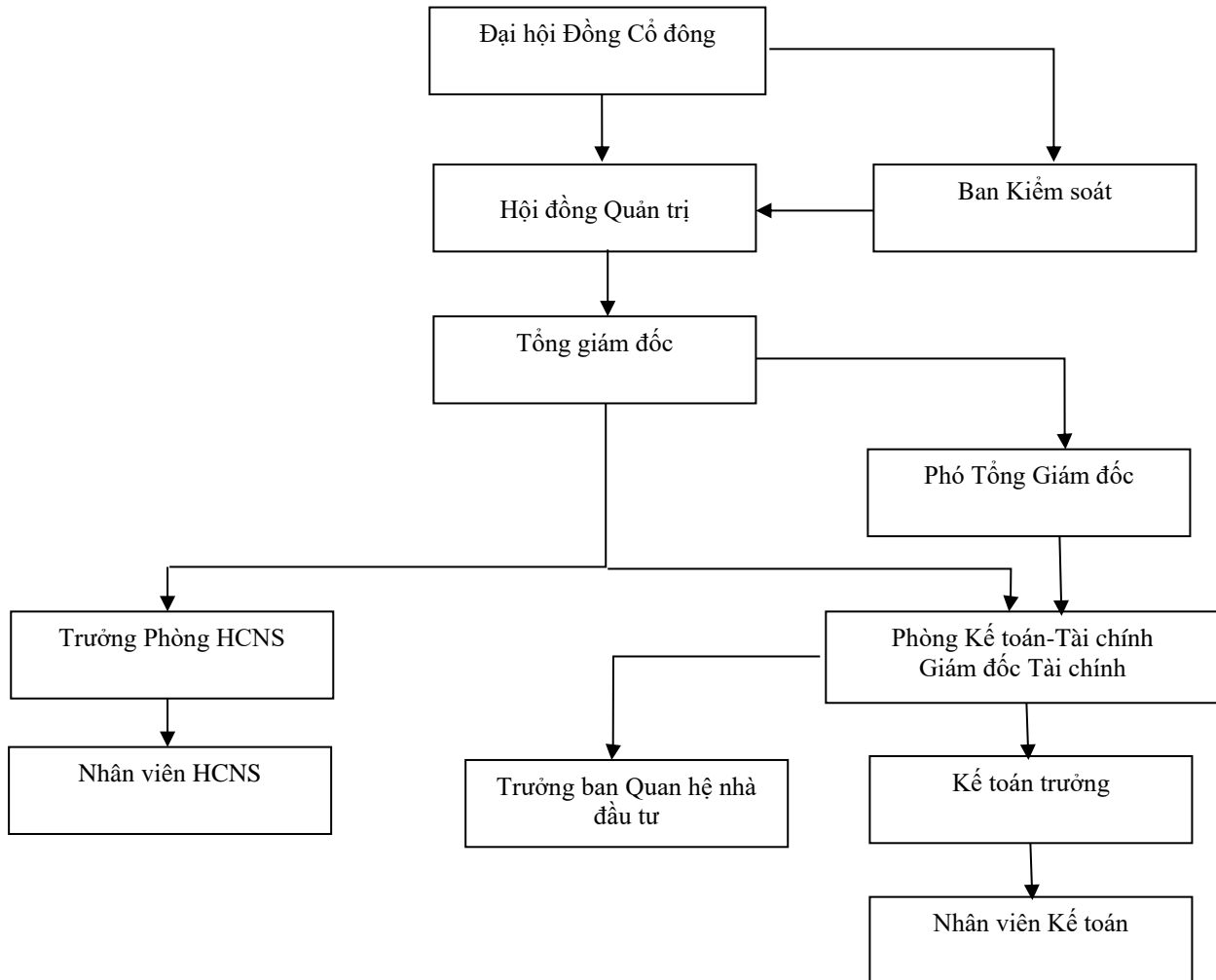


*Nguồn: GTN*

Công ty Cổ phần GTNfoods nằm trong nhóm các công ty thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Thông tin về các công ty này được chi tiết tại mục 5 dưới đây.

**4. Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty**

**Hình 5. Sơ đồ tổ chức GTN**



**❖ Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền chính sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

**❖ Hội đồng quản trị**

HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty. Trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ, HĐQT có các quyền chính sau:





- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

#### ❖ **Ban Kiểm soát**

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

#### ❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm phối hợp cùng Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

#### ❖ **Phòng Hành chính nhân sự**

Phòng hành chính nhân sự phụ trách 02 mảng chính gồm: mảng Hành chính và mảng Nhân sự. Chức năng của từng phòng như sau:

**Đối với mảng Hành chính:**

- Thực hiện công tác quản lý hành chính;
- Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nội quy, Quy chế của Công ty;
- Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng;

**Đối với mảng Nhân sự:**

- Đề xuất cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành của Công ty;
- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy trình, quy định cho Công ty, tổ chức thực hiện các quy định đó;
- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm, quý, tháng, theo yêu cầu của công ty và các bộ phận liên quan;
- Tổ chức tuyển dụng theo chương trình đã phê duyệt;
- Tổ chức theo dõi và ký hợp đồng lao động cho Người lao động;
- Quản lý hồ sơ, lý lịch của nhân viên toàn công ty;
- Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động nhân sự, theo dõi biến động nhân sự;
- Đánh giá, phân tích tình hình chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ nhân viên lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc;
- Tổ chức triển khai và kiểm tra công tác đào tạo của Công ty đồng thời đánh giá chất lượng đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và hiệu quả trong công việc của cá nhân theo mục tiêu của công ty;

**❖ Phòng Kế toán - tài chính:**

Là cơ quan tham mưu cho TGD và HĐQT về công tác tài chính kế toán của công ty và trực tiếp thực hiện các hoạt động tài chính, kế toán bao gồm các công việc: Tài chính, kế toán tài vụ, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty.

Bên cạnh đó, bộ phận Kế toán – tài chính đồng thời cũng có chức năng tham mưu cho TGD và HĐQT về công tác quan hệ nhà đầu tư

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty bị sáp nhập, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty bị sáp nhập, những công ty mà Công ty bị sáp nhập nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối****5.1. Công ty mẹ của Công ty bị sáp nhập**

Công ty mẹ của GTN là **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)**:

- Ngày thành lập: 20/08/1976
- Đăng ký kinh doanh: số 0300588569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 26/10/2020
- Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- Tỷ lệ nắm giữ của VNM: 75%

**5.2. Công ty con của Công ty bị sáp nhập**

Hiện GTN có hai (02) công ty con cụ thể như sau:

- **Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP**
  - Ngày thành lập: 21/06/1996
  - Đăng ký kinh doanh: Số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020).
  - Hoạt động kinh doanh chính:
    - + Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
    - + Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
    - + Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
    - + Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
    - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
    - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
  - Tỷ lệ sở hữu của GTN: 74,49%
  - Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 74,49%
- **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM)**
  - Ngày thành lập: 29/12/2004
  - Đăng ký kinh doanh: số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn la cấp lần đầu ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 24/03/2021
  - Hoạt động kinh doanh chính: chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò
  - Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của GTN: 26,78%
  - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của GTN thông qua VLC: 24,22%
- **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**
  - Ngày thành lập: 27/09/2021
  - Đăng ký kinh doanh: số 0109752537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/09/2021.
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò.
  - Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của GTN: 0%
  - Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của GTN thông qua VLC: 37,98%

**5.3. Công ty liên kết của Công ty bị sáp nhập:**

- **Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng**
  - Ngày thành lập: 05/01/2004
  - Đăng ký kinh doanh: số 5800408245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 05/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 08/10/2020
  - Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm



- Tỷ lệ sở hữu của GTN: 38,30%
- Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 38,30%
- **Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung**
  - Ngày thành lập: 26/06/2013
  - Đăng ký kinh doanh: số 4000933719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 26/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16/07/2020
  - Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa, sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
  - Tỷ lệ sở hữu của GTN: 40,06%
  - Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 40,06%
- **Tổng Công ty chè Việt Nam - CTCP**
  - Ngày thành lập: 02/07/2010
  - Đăng ký kinh doanh: số 0100103915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/01/2021
  - Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh chè
  - Tỷ lệ sở hữu của GTN: 16,23%
  - Tỷ lệ biểu quyết của GTN: 16,23%

## 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay GTN đã thực hiện 04 đợt tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

**Bảng 14: Quá trình tăng vốn của GTN**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Lần	Thời điểm tăng vốn	Số vốn trước khi thay đổi	Số vốn sau khi thay đổi	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Đơn vị phê duyệt tăng vốn
0	30/05/2011	0	80	80	Góp vốn khi thành lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	20/01/2013	80	680	600	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	26/03/2015	680	748	68	Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	UBCKNN
3	26/01/2016	748	1.500	752	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và Esop	UBCKNN
4	18/11/2016	1.500	2.500	1.000	Chào bán cổ phần riêng lẻ	UBCKNN



- Công ty Cổ phần GTNfoods (trước đây là Công ty Cổ phần Môi trường và khoáng sản Đại Việt) được thành lập ngày 30/05/2011 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng.
- Ngày 20/01/2013, Công ty tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 680 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ/ĐHĐCĐ/ĐV.
- Ngày 26/03/2015, triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08/05/2015, Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty quyết nghị triển khai phương án chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo hình thức chi trả bằng cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện 10:1, nâng vốn điều lệ từ 680 tỷ đồng lên 748 tỷ đồng.
- Ngày 08/05/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng, trong đó phát hành cho cổ đông hiện hữu 748 tỷ đồng (tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm 74.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1) và 4 tỷ đồng cổ phiếu thông qua phát hành 400.000 cổ phần ESOP. Tại ngày 26/01/2016, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn này.
- Ngày 26/04/2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua phương án phát hành riêng lẻ cổ phần tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng, thay đổi tên Công ty thành “Công ty Cổ phần GTNfoods”. Vào ngày 18/11/2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành riêng lẻ này, tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

## 7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Tháng 7/2019 GTN có góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nông nghiệp GTN 660 tỷ bằng cách góp cổ phần của 2 công ty con là Tổng Công ty Chè Việt Nam-CTCP và Công ty Cổ phần Sản xuất Tre công nghiệp Mộc Châu. Đến tháng 12/2019 GTN đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần Nông nghiệp GTN.

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Tại thời điểm hiện tại, GTN chỉ có cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Thông tin như sau:

**Bảng 15: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 05/11/2021**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>53</b>	188.293.700	75,3%
	Trong nước	38	188.131.355	75,2%
	Nước ngoài	15	162.345	0,1%
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
<b>2</b>	<b>Cá nhân</b>	<b>9.485</b>	61.706.300	24,7%
	Trong nước	9.420	61.357.515	24,6%
	Nước ngoài	65	348.785	0,1%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.538</b>	<b>250.000.000</b>	<b>100,00%</b>

## 9. Hoạt động kinh doanh

### 9.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hiện tại công ty mẹ GTN chủ yếu đóng vai trò là công ty quản lý các khoản đầu tư tại các công ty con và công ty liên kết. Trong đó, trọng tâm trong hoạt động đầu tư của GTN là khoản đầu tư vào công ty con VLC. Tương tự như GTN, VLC cũng chủ yếu đóng vai trò công ty quản lý vốn đầu tư, và là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (MCM) với ngành nghề chính là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sữa bò. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ do là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày phục vụ đời sống.

### 9.2. Tài sản

**Bảng 16: Tình hình tài sản tại 31/12/2021**

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>1.661</b>	<b>1.131</b>	<b>1.301.225</b>	<b>334.978</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc			359.522	100.213
Máy móc thiết bị			767.599	164.251
Thiết bị văn phòng	194	23	10.266	8.785
Phương tiện vận tải	1.467	1.108	79.649	12.399
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm			77.605	49.152
Tài sản cố định khác			6.584	178
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>142</b>	<b>-</b>	<b>693.527</b>	<b>512.943</b>
Tài sản cố định vô hình	142	-	693.527	512.943

Nguồn: BCTC GTN năm 2021

**Bảng 17: Danh sách một số tài sản lớn của Công ty tại 31/12/2021**

Đơn vị: triệu VNĐ

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Dây chuyền chế biến sữa + máy rót 1	27.972.673.682	0
Máy rót số 4 - TBA 200 S	13.339.630.007	0
Dây chuyền UHT	15.678.338.650	0
Máy rót A3 (số 1)	40.187.326.310	0
Máy rót sữa chua	20.245.401.349	0



Máy rót A3	42.881.109.294	0
Dây chuyền CB sữa UHT 12000l/h	39.362.612.366	0
Thiết bị dây chuyền TMR	15.925.478.286	0
Máy rót sữa chua (2 máy)	27.141.872.555	0
Máy rót sữa A3	47.500.653.475	7.511.621.978

Nguồn: GTN

**9.3. Thị trường hoạt động**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của GTN diễn ra hoàn toàn trên lãnh thổ Việt Nam.

**9.4. Các hợp đồng lớn**

Trong năm 2019 và 2020, hoạt động kinh doanh của GTN tập trung chủ yếu tại VLC và công ty con của VLC là MCM cũng như các công ty liên kết. GTN hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

**9.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn**

Trong năm 2019 và 2020, hoạt động kinh doanh của GTN tập trung chủ yếu tại VLC và công ty con của VLC là MCM cũng như các công ty liên kết. GTN hầu như không trực tiếp đứng ra ký kết và thực hiện các hợp đồng với khách hàng và nhà cung cấp.

**9.6. Vị thế của Công ty trong ngành**

Với mô hình kinh doanh của GTN, hoạt động kinh doanh chủ yếu tập trung tại công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu. MCM hoạt động kinh doanh chủ yếu ở khu vực phía Bắc. Vị thế của Công ty còn hạn chế và thấp so với các thương hiệu lớn như Vinamilk, Frieslandcampina, Nutifoods. Đối với thị phần theo doanh thu, Bộ phận Phân tích của SSI ước tính Vinamilk hiện chiếm 54,2% thị phần, vượt xa các đối thủ khác như: Nutifood (12,1%), TH True Milk (9%), Mộc Châu (2,7%) và IDP (1,3%). Tại miền Bắc Việt Nam, ước tính MCM chiếm khoảng 18% thị phần.

**9.7. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**

**Biểu tượng logo của Công ty:**

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ.

**10. Kết quả hoạt động kinh doanh****10.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần nhất****Bảng 18: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	Năm 2021	% tăng/giảm	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm	Năm 2021	% tăng/giảm



Tổng giá trị tài sản	2.639.366	2.700.809	2,33%	2.779.748	2,92%	4.024.677	4.185.278	3,99%	4.653.726	11,19%
Doanh thu thuần	21.588	-	-100,00%	-	-	2.970.353	2.825.788	-4,87%	2.928.634	3,64%
Lợi nhuận (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	-158.352	75.665	147,78%	53.588	-29,18%	-2.598	264.291	10272,86%	253.067	-4,25%
Lợi nhuận (Lỗ) khác	12.915	-39	-100,31%	-70	79,49%	11.684	-14.176	-221,33%	-15.209	7,29%
Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	-145.436	75.625	152,00%	53.518	-29,23%	9.086	250.116	2.652,76%	237.858	-4,90%
Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế	-145.436	75.625	152,00%	53.518	-29,23%	6.712	246.720	3.575,80%	213.797	-13,34%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%		0%		0%	0%		0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN

Tổng tài sản theo báo cáo công ty mẹ năm 2020 tăng 2,33% lên 2.700.809 triệu đồng. Công ty mẹ trong năm 2020 không phát sinh doanh thu. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chủ yếu đến từ hoạt động tài chính gần 84,95 tỷ đồng, tăng gấp 3,95 lần cùng kỳ, bao gồm 56,7 tỷ đồng (+365%) từ lãi tiền gửi và 28,2 tỷ đồng từ cổ tức (453%). Chi phí tài chính giảm mạnh do không còn lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư, đồng thời chi phí quản lý trong kỳ phát sinh 8,4 tỷ đồng giảm 34,4%. Do đó, năm 2020 công ty lãi sau thuế đạt 75.625 triệu đồng.

Năm 2021 tổng tài sản của công ty mẹ là 2.779.748 triệu đồng tăng 2,92% so với năm 2020. Công ty mẹ cũng không phát sinh doanh thu trong năm 2021, lợi nhuận chủ yếu đến từ hoạt động tài chính hơn 73 tỷ đồng, giảm 14,01% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm 15,38 tỷ đồng (-72,88%) từ lãi tiền gửi và 57,66 tỷ đồng từ cổ tức (104,46%). Chi phí tài chính tăng 1487,88% do trích lập dự phòng các khoản đầu tư, chi phí quản lý giảm 28,71%. Do đó, năm 2021 lãi sau thuế của công ty đạt 53.518 triệu đồng.

Năm 2020, GTN và các công ty con tiếp tục tiến hành tái cơ cấu thoái vốn nhiều khoản đầu tư không cốt lõi, thu hồi công nợ và tập trung vốn đầu tư cho lĩnh vực chính là sản xuất sữa. Tổng tài sản hợp nhất tính đến 31/12/2020 của GTN là 4.185.278 triệu đồng, tăng 3,99% so với năm 2019. Doanh thu thuần giảm 4,87% còn 2.825.788 triệu đồng, phần lớn doanh thu đến từ doanh thu của công ty con là Mộc Châu Milk. Mặc dù doanh thu giảm tuy nhiên nhờ vào việc tái cơ cấu chiến lược bán hàng, tối ưu chi phí giúp cho biên lợi nhuận gộp của GTN tăng mạnh. Theo đó lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 264.291 triệu đồng so với -2.598 triệu đồng cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế tăng từ 6.712 triệu đồng lên 246.720 triệu đồng gấp hơn 36 lần.

Năm 2021 tổng tài sản hợp nhất của GTN là 4.653.726 triệu đồng, tăng 11,19% so với năm 2020. Doanh thu thuần tăng 3,64%, doanh thu chủ yếu đến từ công ty con là Mộc Châu Milk. Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng do doanh thu tài chính giảm 7,30% đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 10,87% dẫn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 253.067 triệu đồng giảm 4,25%, lợi nhuận sau thuế đạt 213.797 triệu đồng giảm 13,34% so với năm 2020.

## 10.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty





Trong năm 2019 và 2020, hoạt động kinh doanh của GTN tập trung chủ yếu tại VLC và công ty con của VLC là MCM cũng như các công ty liên kết. Do đó các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của GTN cũng chính là các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VLC đã được trình bày tại mục V.1.2.

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

GTN không vay nợ, toàn bộ vốn chủ sở hữu được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh, chủ yếu là đầu tư vốn ở các công ty con và công ty liên kết cũng như đầu tư tài chính (tiền gửi). Trọng tâm của hoạt động đầu tư là khoản đầu tư vào công ty con VLC, là công ty mẹ sở hữu MCM.

**Bảng 19: Báo cáo về vốn**

Đơn vị: triệu VNĐ

Vốn kinh doanh	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Vốn điều lệ	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
Vốn chủ sở hữu	2.638.660	3.555.914	2.699.921	3.711.548	2.778.689	4.140.967

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN

#### Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Ngoài một số máy móc thiết bị của công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của công ty) được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh với hệ số điều chỉnh là 2,5 lần trong thời gian sử dụng hữu ích 7 năm, các tài sản cố định hữu hình của công ty và các công ty con được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Các loại tài sản	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	04-30
Phương tiện vận tải	05-10
Thiết bị văn phòng	03-08
Tài sản khác	03-08
Súc vật làm việc, cho sản phẩm	04-08

Tài sản cố định vô hình của công ty chủ yếu bao gồm: Lợi thế quyền thuê đất; lợi thế thương hiệu; lợi thế vùng nguyên liệu và phần mềm máy vi tính. Lợi thế quyền thuê đất mà công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và khấu hao theo thời gian còn lại của từng hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu là phần giá trị mà công ty có được từ việc mua lại các công ty con và được phân bổ trong vòng 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu là giá trị hợp lý cùng nguyên liệu mà công ty



có được từ việc mua lại các công ty con, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

#### Tình hình công nợ:

**Bảng 20: Tình hình các khoản phải thu**

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>15.109</b>	<b>6.776</b>	<b>9.104</b>	<b>102.351</b>	<b>168.725</b>	<b>297.186</b>
Phải thu khách hàng	7.800	107	-	30.932	113.924	180.697
Trả trước người bán	4.279	4.021	3.971	13.296	4.927	20.004
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	1.850	150	-
Phải thu khác	6.858	6.476	8.854	63.082	55.043	100.445
Dự phòng nợ khó đòi	-3.828	- 3.828	-3.721	- 6.808	- 5.319	-3.960
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>5</b>	<b>88</b>	<b>88</b>	<b>36</b>	<b>253</b>	<b>253</b>
Phải thu dài hạn khác	5	88	88	36	253	253
<b>Tổng</b>	<b>15.114</b>	<b>6.863</b>	<b>9.192</b>	<b>102.387</b>	<b>168.978</b>	<b>297.439</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN

Hoạt động kinh doanh của GTN tại công ty mẹ hầu như không có phải thu khách hàng. Công ty không có phải thu khó đòi ngoại trừ những khoản đã trích dự phòng.

Ở góc độ hợp nhất, các khoản phải thu khách hàng của GTN chủ yếu là hợp nhất các khoản phải thu của VLC. Trong đó, một phần là các khoản phải thu khác, gồm phải thu cổ tức của công ty có vốn góp của VLC và phải thu lãi tiền gửi, phần còn lại là các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh của MCM là công ty con của VLC. Trong năm 2020, phải thu khách hàng của MCM có xu hướng tăng mạnh so với năm 2019. Nguyên nhân là do trong năm 2020, MCM áp dụng hình thức bảo lãnh thanh toán để quản lý số dư phải thu các khách hàng. Theo đó, các khách hàng được nợ tiền hàng với tổng số dư nợ lũy kế dưới giá trị bảo lãnh mà khách hàng đó mở tại các ngân hàng thương mại. Như vậy, đa phần các khoản phải thu khách hàng hợp nhất tại GTN (thuộc MCM) đều đã có bảo lãnh ngân hàng, khả năng thu hồi được đảm bảo.

#### Các khoản phải trả:

**Bảng 21: Tình hình các khoản phải trả**

Đơn vị: triệu VND



Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>706</b>	<b>888</b>	<b>1.059</b>	<b>235.530</b>	<b>253.789</b>	<b>341.562</b>
Phải trả người bán	-	-	196	58.579	88.976	91.651
Người mua trả tiền trước	-	-	-	27.777	2.851	2.342
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	235	22	67	6.168	1.826	18.120
Phải trả người lao động	40	202	214	25.376	26.787	20.958
Chi phí phải trả	353	520	528	534	52.304	53.341
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	-	-	-	1.146	1.578	1.775
Phải trả ngắn hạn khác	78	144	54	57.894	21.266	12.024
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	77.155
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	58.057	58.201	64.196
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>233.232</b>	<b>219.941</b>	<b>171.196</b>
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	2.913	60.090	21.901
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	177.798	159.851	147.547
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-	-	1.748
<b>Tổng</b>	<b>706</b>	<b>888</b>	<b>1.059</b>	<b>468.763</b>	<b>473.730</b>	<b>512.758</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN*

Trong quá trình hoạt động, GTN luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

GTN và các công ty con không thực hiện vay nợ trong 2 năm 2019 và 2020. Các khoản nợ của Công ty chủ yếu là các khoản tiền người mua ứng trước, phải trả nhà cung cấp và quỹ hỗ trợ chăn nuôi (được ghi nhận thông qua các khoản phải trả dài hạn khác). Đây đều là các khoản công nợ phát sinh thông thường trong hoạt động kinh doanh của MCM.

**Các khoản phải nộp theo luật định:**

**Bảng 22: Tình hình nộp thuế**

*Đơn vị: triệu VND*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
----------	------------	------------	------------



	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Thuế giá trị gia tăng	130	1.934	0	73	0	5.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105	2.842,3	0	1.027	0	11.288
Thuế giá trị thu nhập cá nhân	0	735	22	48	67	551
Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	656,8	0	678	0	657
Khác	0	0	0	0	0	1
<b>Tổng cộng</b>	<b>235</b>	<b>6.168</b>	<b>22</b>	<b>1.826</b>	<b>67</b>	<b>18.120</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN

Công ty tuân thủ nộp nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ phải trả, phải nộp khác cho cơ quan Nhà nước theo đúng quy định.

#### Trích lập các quỹ:

Công ty tuân thủ việc trích lập các quỹ theo đúng quy định Pháp luật. Hàng năm, GTN trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

**Bảng 23: Số dư các quỹ**

Đơn vị: triệu đồng

Số dư các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	31/12/2019		31/12/2020		31/12/2021	
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Quỹ đầu tư phát triển	0	5.988	0	23.562	0	54.922
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	58.057	0	58.201	0	64.196
Lợi nhuận chưa phân phối	-106.382	-208.704	-30.757	-138.004	22.761	-215.244

Nguồn: BCTC kiểm toán của GTN năm 2019 và năm 2020; BCTC Quý IV năm 2021 của GTN

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** trong năm 2021, VLC sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi và sáp nhập với GTN (hiện đang là công ty mẹ của VLC). Việc sáp nhập sẽ dẫn đến việc chấm dứt hoạt động của GTN, và chuyển toàn bộ tài sản và các nghĩa vụ của GTN sang cho VLC.

#### 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	2019	2020	2021	2019	2020	2021



1. Khả năng thanh toán						
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.468,92	1.237,96	332,48	8,32	10,70	9,49
- Hệ số thanh toán nhanh:	1.468,92	1.237,96	332,48	7,29	9,89	8,92
2. Cơ cấu vốn						
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,00	0,00	0,00	0,12	0,11	0,11
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0,00	0,00	0,00	0,13	0,13	0,12
3. Năng lực hoạt động						
- Vòng quay tổng tài sản:	0,01	-	-	0,68	0,69	0,66
- Vòng quay vốn lưu động:	0,03	-	-	1,24	1,11	1,09
- Vòng quay hàng tồn kho:	-	-	-	7,08	7,95	10,40
4. Khả năng sinh lời						
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):	-673,69%	N/A	N/A	0,42%	8,72%	7,29%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):	-5,30%	2,80%	1,93%	0,31%	5,89%	4,59%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):	-5,30%	2,80%	1,93%	0,35%	6,65%	5,16%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)				51	991	859

**Khả năng thanh toán:**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của công ty rất cao cho thấy khả năng thanh toán tốt các nghĩa vụ ngắn hạn của công ty. Theo báo cáo hợp nhất hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty tăng trong năm 2020 từ 8,32 lần thời điểm đầu năm lên 10,7 lần thời điểm cuối năm.

**Cơ cấu vốn:**

Hệ số nợ theo báo cáo tài chính công ty mẹ rất thấp do nợ phải trả của công ty chỉ có 888 triệu đồng, trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lần lượt là 2.700.809 triệu đồng và 2.699.921 triệu đồng. Phần lớn tài sản của công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu.

Hệ số nợ trên tổng tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2019, 2020 lần lượt là 0,12 lần và 0,11 lần. Phần lớn tài sản của công ty được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu.

**Năng lực hoạt động:**

Vòng quay tài sản và vốn lưu động của công ty giảm nhẹ trong năm 2020 lần lượt là 0,69 lần và 1,11 lần. Vòng quay tồn kho tăng từ 7,08 lần năm 2019 lên 7,95 lần năm 2020 nhờ vào công ty có chính sách thúc đẩy bán hàng, giảm thời gian lưu kho đối với nguyên liệu, thành phẩm.

**Khả năng sinh lời:**



Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hợp nhất của GTN tăng từ 0,23% lên 8,89% trong năm nhờ vào hoạt động kinh doanh của công ty con Mộc Châu Milk tăng trưởng tốt sau khi ổn định được hệ thống và tối ưu hóa chính sách bán hàng, hệ thống phân phối và cắt giảm các chi phí quản lý, bán hàng. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cuối năm 2020 lần lượt là 6,12% và 6,91% tăng mạnh so với 0,15% và 0,18% của năm 2019 cho thấy hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của công ty được cải thiện.

## 12. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm gần nhất của Tổ chức phát hành: các báo cáo tài chính năm 2019 và 2020 của GTN đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, và đều nhận được ý kiến chấp thuận toàn phần từ đơn vị kiểm toán.

## 13. Thông tin về cổ đông lớn/chủ sở hữu công ty/thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

GTN hiện có 01 cổ đông lớn nắm giữ trên 10% cổ phần có biểu quyết của Công ty là **Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)**:

Thông tin chung về cổ đông lớn

- Năm thành lập: 1976
- Đăng ký kinh doanh: Số 0300588569, ngày cấp: 20/11/2003, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, Đường Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
- Vốn điều lệ: 20.899.554.450.000 đồng
- Người đại diện pháp luật: bà Mai Kiều Liên, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: không có

Sở hữu của cổ đông lớn như sau:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ hiện tại: 187.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 75%
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ: không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

## 14. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Nghiêm Văn Thắng	Thành viên HĐQT
4	Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT
5	Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT

❖ **Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: Mai Kiều Liên
CMND/Hộ chiếu	: 001153002818, Cấp ngày 07/01/2016, nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 1953
Nơi sinh	: Pháp
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 5/84 Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
Quá trình công tác	:
1992 - nay	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk"). Chủ tịch HĐQT Vinamilk từ 2003 đến 2015, sau đó Bà tiếp tục là thành viên HĐQT của Vinamilk đến nay.
1984 – 1992	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
1976 – 1983	: Đảm nhận các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.
Chức vụ hiện nay:	: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. - Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam. - Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa. - Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation. - Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organizacja Odpowiedzialności. - Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Lao-Jagro Development Xiengkhuang. - Thành viên HĐQT, Miraka Limited. - Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu.



Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 187.500.000 cổ phần tương đương 75% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

**❖ Ông Trịnh Quốc Dũng - thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Họ và tên khai sinh	:	Trịnh Quốc Dũng
CMND/Hộ chiếu	:	042062000192, cấp ngày 22/03/2017, Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/10/1962
Nơi sinh	:	Hà Tĩnh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Căn hộ 1002, Tháp Sapphire 1, Saigon Pearl, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa
Quá trình công tác	:	
Từ 01/01/2020 đến nay	:	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần GTNFoods
Từ 15/02/2020 đến nay	:	Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNFoods, Tổng Giám đốc Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP
Từ 16/02/2020 đến nay	:	Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.
2019 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Lao-Jagro Development Xiengkhuang Co., Ltd.
2014 – nay	:	Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu - Vinamilk, Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh





	Hóa
2012 – 2014	: Giám đốc Nhà máy sữa Việt Nam - Vinamilk
2005 – 2012	: Giám đốc Nhà máy sữa Nghệ An - Vinamilk
1998 – 2005	: Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện
1987 – 1998	: Công tác ở các vị trí khác nhau tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).
Chức vụ hiện nay:	: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: - Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu Vinamilk. - Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam. - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống nhất, Thanh Hóa. - Thành viên HĐQT Cty Lào Jagro. - <b>Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam- CTCP.</b> - Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu:
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 187.500.000 cổ phần tương đương 75% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: <i>không có</i>	

**❖ Ông Nghiêm Văn Thắng - thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	: Nghiêm Văn Thắng
CMND/Hộ chiếu	: 001078022355
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 16/02/1978
Nơi sinh	: Hà Nội



Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phú Đô, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư công nghiệp thực phẩm
Quá trình công tác	:	
Tháng 07/2019 – nay:	:	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea)
Tháng 06/2019 – 2/2020:		
Tháng 04/2015 – nay:		Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Mocchaumilk)
Tháng 12/2005 – tháng 06/2019:		Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods)
Tháng 01/2016 – tháng 04/2019:		Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (Vinatea)
Tháng 06/2018 – tháng 12/2018:		Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn (Forimex)
Tháng 04/2012 – tháng 04/2015:		Thành viên HĐQT, TCTy Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (Vilico)
		Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods)
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng
		Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Chè Việt Nam
		Thành viên HĐQT Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An
		Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	100.000 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: <i>không có</i>		



❖ **Ông Lê Thành Liêm - thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Lê Thành Liêm
CMND/Hộ chiếu	:	080073000264
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	22/08/1973
Nơi sinh	:	
Quốc tịch	:	<i>Việt Nam</i>
Dân tộc :	:	<i>Kinh</i>
Địa chỉ thường trú	:	129 Đường số 10, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế
Quá trình công tác	:	
Từ 2007 đến nay.	:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
Từ 2015 đến nay	:	Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
2004-2015:	:	Đảm nhận các vị trí quản lý tại Phòng Tài chính-Kế toán Công ty Cổ phần Công ty cổ phần Sữa Việt Nam như: Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng
1994-2003	:	Nhân viên kế toán- Công ty cổ phần Sữa Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sữa Việt Nam Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sữa Việt Nam Phó Chủ tịch Câu Lạc Bộ Giám đốc Tài chính Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0
Số cổ phần của người có liên quan	:	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 187.500.000 cổ phần tương đương 75% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám



đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

❖ **Ông Đỗ Lê Hùng - thành viên HĐQT**

Họ và tên khai sinh	:	Đỗ Lê Hùng
CMND/Hộ chiếu	:	035069001829
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	09/06/1969
Nơi sinh	:	Hà Nam
Quốc tịch	:	<i>Việt Nam</i>
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	C16-04, Chung cư Parcspring, 537 Nguyễn Duy Trinh, Quận 2, TP. HCM
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Quản lý công và bằng tốt nghiệp quản lý công- Trường Hành chính Quốc Gia-Cộng hòa Pháp
Quá trình công tác	:	
Từ tháng 4 năm 2018 đến nay	:	Thành viên HĐQT, Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hơn 8 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán và Kiểm soát Nội bộ tại Big C Việt Nam.</li> <li>- Gần 6 năm kinh nghiệm với vị trí Vụ phó Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam – Bộ Tài chính.</li> <li>- Trước đó, có hơn 11 năm kinh nghiệm công tác tại Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam ở cấp Chuyên viên, Chuyên viên chính.</li> </ul>
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản An Gia Thành viên HĐQT độc lập, Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam Thành viên HĐQT, Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) Phó trưởng Tiểu ban Kiểm toán và Tuân thủ, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark



Số cổ phần nắm giữ và đại diện : 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : Công ty cổ phần Sữa Việt Nam nắm giữ 187.500.000 cổ phần tương đương 75% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

**Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Quốc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Huy Bích	Giám đốc tài chính

❖ Ông Trịnh Quốc Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc: như trên

❖ Ông Trần Chí Sơn - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên khai sinh : Trần Chí Sơn

CMND/Hộ chiếu : 086075000013

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 13/02/1975

Nơi sinh : Vĩnh Long

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 351/31 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán-Kiểm toán

Quá trình công tác :

- Từ tháng 6/2016 đến nay : Trưởng bộ phận tài chính Vinamilk
- Từ năm 2005 đến 2016 : Ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà



	đầu tư (IR) tại Vinamilk
Chức vụ hiện nay:	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần GTNFoods
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng Thành viên HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP Thành viên HĐQT Lao – Jargo Development Xiangkhouang Co., Ltd
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 1.040 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: <i>không có</i>	

❖ **Ông Lê Huy Bích - Giám đốc tài chính**

Họ và tên khai sinh	: Lê Huy Bích
CMND/Hộ chiếu	: 173070663
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 22/05/1989
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: Thiệu Giang, Thiệu Hóa, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes I, Pháp
Quá trình công tác	:
Từ tháng 1 năm 2020	: Giám đốc tài chính của GTNfoods, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam và Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu
Từ năm 2016 tới nay,	: Công tác tại nhiều vị trí khác nhau trong Bộ phận Tài chính của tại Vinamilk
Chức vụ hiện nay:	: Giám đốc tài chính



Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc tài chính Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP  
 Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu  
 Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP  
 Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội  
 Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng  
 Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Giống Gia Súc Miền Trung

Số cổ phần nắm giữ và đại diện : 0 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

**Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Cao Thị Hồng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Đức Diệu Thơ	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Bà Hà Thị Diệu Thu - Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh : Hà Thị Diệu Thu

CMND/Hộ chiếu : 038189010436

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 25/08/1989

Nơi sinh : Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Phước Sơn, Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa – Vũng Tàu



Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế-Luật
Quá trình công tác	:	
05/2019-nay	:	Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
02/2016-04/2019	:	Chuyên viên Kiểm soát Nội bộ- Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
10/2014-02/2016	:	Chuyên viên cấp cao Quản lý rủi ro & Chất lượng-Công ty TNHH PwC Việt Nam
07/2011 -10/2014	:	Trưởng nhóm Kiểm toán-Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam
Chức vụ hiện nay:	:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: <i>không có</i>		

❖ **Bà Cao Thị Hồng - thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	:	Cao Thị Hồng
CMND/Hộ chiếu	:	013559873
Giới tính	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh	:	25/12/1974
Nơi sinh	:	Thanh Hóa
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Dãy T9, nhà số 2 Tổ dân phố Nam Thăng Long (Ciputra),





	phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tài chính ngân hàng-Trường Paris Dauphine
Quá trình công tác	:
Từ tháng 2 năm 2020 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP GTNfoods
2019 đến tháng 6 năm 2019	: Trưởng phòng quản lý tài chính VinGroup
2014-2016	: Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, Công ty chứng khoán IB
2012-2014	: Phó giám đốc Khối đầu tư, MBBank
2011-2012	: Giám đốc kinh doanh miền Bắc Khối Bán lẻ, Techcombank
2006-2011	: Phó tổng giám đốc, Giám đốc Khối môi giới, Công ty chứng khoán Quốc Tế
1995-2006	: Giám đốc tài chính, Trưởng phòng nguồn vốn, Trưởng phòng giao dịch, Ngân hàng TMCP Quốc Tế.
Chức vụ hiện nay:	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty chè Việt Nam-CTCP
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	: 0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm
Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: <i>không có</i>	

**❖ Bà Nguyễn Đức Diệu Thơ - thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên khai sinh	: Nguyễn Đức Diệu Thơ
CMND/Hộ chiếu	: 023792957
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 09/03/1982
Nơi sinh	: TP Hồ Chí Minh
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc :	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 331 Đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP HCM



Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP HCM
Quá trình công tác	:	
Từ 2017 đến nay.	:	Trưởng Bộ phận Kế toán tổng hợp và Quản lý thanh toán, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
2007-2017	:	Giám sát Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban Kế toán tổng hợp, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
2004-2007	:	Kiểm toán viên, Kiểm toán nội bộ tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Công ty CP Trung Nguyên
Chức vụ hiện nay:	:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng Bộ phận Kế toán tổng hợp và Quản lý thanh toán, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	0 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

**Kế toán trưởng**❖ **Ông Hoàng Mạnh Cường - Kế toán trưởng**

Họ và tên khai sinh	:	Hoàng Mạnh Cường
CMND/Hộ chiếu	:	111384056
Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	20/09/1978
Nơi sinh	:	Hà Tây
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc :	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	K13 Khu đấu giá, Ngô Thì Nhậm, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12



Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	:	
Từ 2013 đến nay	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần GTNfoods
2010-2012	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khai thác khoáng sản Lương Sơn
2002-2006	:	Nhân viên kế toán tổng hợp
Chức vụ hiện nay:	:	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số cổ phần nắm giữ và đại diện	:	10.000 cổ phần
Số cổ phần của người có liên quan	:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty hàng năm

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người có liên quan của họ: *không có*

**15. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức**

Theo Điều lệ của GTN và theo quy định của pháp luật, cổ tức chi trả cho cổ đông trên vốn điều lệ sẽ được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Do nhận định Công ty đang trong giai đoạn mở rộng đầu tư và tham gia các hoạt động mua bán sáp nhập nên GTN đã không chia cổ tức trong 2 năm gần nhất.

**16. Chính sách đối với người lao động**

**Bảng 25: Cơ cấu trình độ lao động**

Chỉ tiêu	Số lượng lao động tại 31/12/2021			
	Công ty mẹ	%	Hợp nhất	%
1. Trên đại học	6	66,67%	12	1,48%
2. Đại học	2	22,22%	159	19,61%
3. Cao đẳng, Trung cấp	0	0,0%	269	33,17%
4. Khác (Lao động phổ thông)	1	11,11%	371	45,75%
<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>	<b>100,0%</b>	<b>843</b>	<b>100,0%</b>

Nguồn: GTN



**Mức lương bình quân:** 23.200.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn, mức lương này ở mức khá hấp dẫn và có thể thu hút được người lao động. So với mức lương cơ bản quy định bởi Nhà nước, mức lương này cao hơn.

### **Công tác tuyển dụng**

Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên, thu hút nguồn ứng cử viên chất lượng cao trên thị trường, đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực nội bộ là trọng tâm của GTNfoods. Kế hoạch tuyển dụng hàng năm được xây dựng song hành cùng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực để thực hiện các mục tiêu mà GTNfoods đã đề ra. Mục tiêu tuyển dụng của GTNfoods và các đơn vị thành viên là các ứng cử viên giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao từ các công ty, tập đoàn lớn, các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, công nhân/ nhân viên tay nghề cao.

Quy trình tuyển dụng được hoàn thiện để đáp ứng được với những thay đổi trong thực tế hoạt động. Công tác tuyển dụng của GTNfoods và các đơn vị thành viên luôn được thực hiện minh bạch, khách quan tuyệt đối tuân thủ quy trình đã ban hành từ việc đăng thông tin tuyển dụng, sàng lọc ứng cử viên, phỏng vấn, lựa chọn các ứng cử viên phù hợp với từng vị trí chức danh cần tuyển dụng.

### **Công tác đào tạo**

Mục tiêu đào tạo của GTNfoods và các đơn vị là nâng cao chất lượng các khóa học đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm mang tới cho CBNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Công ty. Một số các chương trình đào tạo tiêu biểu của GTNfoods và các đơn vị thành viên năm 2020:

- Đào tạo hội nhập: diễn ra thường xuyên khi có nhân sự mới
- Duy trì định kỳ khóa tập huấn an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm tại các nhà máy sản xuất.

Định hướng của GTNfoods trong thời gian tới là tiếp tục duy trì và triển khai các hoạt động đào tạo cho năm 2021, ưu tiên các khóa học cho đội ngũ nhân sự nòng cốt, quản lý cấp cao; tập trung nâng cao nghiệp vụ, phát triển năng lực quản lý chuẩn hóa đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững, phục vụ tối ưu cho kế hoạch sản xuất và kinh doanh đã đề ra

### **Công tác lương thưởng**

Công tác lương thưởng của GTNfoods và các đơn vị được thực hiện tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy chế và quy định của pháp luật. Tất cả các CBNV được hưởng lương theo đúng theo chức danh công việc đang đảm nhiệm, đảm bảo đúng với năng lực. Trong thời gian tới, GTNfoods và các công ty thành viên sẽ tiếp tục cập nhật và kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế:

- Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương theo quy định của pháp luật
- Cập nhật và hoàn thiện thư viện mô tả công việc cho từng chức danh
- Thực hiện giao mục tiêu công việc định kỳ
- Xây dựng hệ thống quản trị thành tích
- Xây dựng và hoàn thiện chính sách khen thưởng

### **Chính sách đãi ngộ, phúc lợi**

Bên cạnh việc tuân thủ các chế độ lương thưởng đã cam kết với người lao động, GTNfoods và các đơn vị còn xây dựng và thực hiện các chế độ đãi ngộ khác để động viên, ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể.

- Duy trì các hoạt động văn hóa thể thao thu hút nhiều CBNV tham gia.
- Khen thưởng các con của CBNV trong Công ty học giỏi, hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập



- Kết hợp với tổ chức Công đoàn phát huy vai trò tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho CBNV. Cùng với Công ty tổ chức Công đoàn đã tổ chức các hoạt động thhhhhhăm hỏi, động viên các gia đình có hoàn cảnh, tặng quà trong các dịp Lễ Tết, quan tâm đến đời sống của người lao động.

### **Chính sách thăng tiến**

GTNFoods xây dựng chính sách thăng tiến dựa trên môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng. Mọi thành viên đều có cơ hội phát huy tối đa các năng lực chuyên môn đồng thời nâng cao các kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí chức danh để phát triển toàn diện. Chính sách thăng tiến cởi mở ưu tiên nhân viên trong Công ty có năng lực và đủ trình độ.

### **17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:**

Không có

### **18. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu:**

Không có

### **19. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

## **VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH**

### **1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

### **2. Mệnh giá**

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

### **3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành**

156.250.000 cổ phiếu

### **4. Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá**

1.562.500.000.000 VNĐ/cổ phiếu

### **5. Đối tượng phát hành để hoán đổi**

Cổ đông của Công ty Cổ phần GTNFoods theo danh sách cổ đông tại thời điểm Công ty Cổ phần GTNFoods chốt danh sách để thực hiện quyền.

### **6. Tỷ lệ hoán đổi**

Tỷ lệ hoán đổi được xác định như sau: **1,6 : 1** (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu VLC, tương đương với 1 cổ phiếu GTN được hoán đổi lấy 0,625 cổ phiếu VLC). Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, những cổ đông có phát sinh cổ phiếu lẻ khi hoán đổi không đủ 01 cổ phiếu VLC sẽ được hủy không tính.



Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 90 cổ phiếu GTN, thì cổ đông A sẽ được nhận  $90 \times 0,625 = 56,25$  cổ phiếu VLC, làm tròn thành 56 cổ phiếu, phần lẻ 0,25 sẽ không tính và sẽ bị hủy bỏ.

Tại thời điểm hoán đổi, đối với các cổ đông sở hữu cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng, sau khi hoán đổi sang cổ phiếu VLC với tỷ lệ hoán đổi như trên, cũng sẽ tiếp tục bị hạn chế chuyển nhượng theo thời hạn được quy định giống như với cổ phiếu GTN đang bị hạn chế chuyển nhượng mà cổ đông đó đang nắm giữ. Việc xác định cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông B sở hữu 1.530 cổ phiếu GTN, trong đó có 1.220 cổ phiếu là tự do chuyển nhượng và 310 cổ phiếu là hạn chế chuyển nhượng, thì số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là  $310 \times 0,625 = 193,75$  cổ phiếu, làm tròn thành 193 cổ phiếu. Số cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng là  $1.220 \times 0,625 = 762,5$  cổ phiếu, làm tròn thành 762 cổ phiếu.

## 7. Phương thức phân phối

Theo phương thức hoán đổi cổ phiếu, phương thức thanh toán là cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phiếu của Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Việc hoán đổi sẽ được thực hiện trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn phát hành (nếu cần) kể từ ngày VLC nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi của UBCKNN.

Khi thực hiện việc hoán đổi, Công ty Cổ phần GTNfoods sẽ thông báo ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần theo quy định. Từ ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi, toàn bộ cổ phần GTN đang lưu hành sẽ được sở hữu duy nhất bởi VLC. Cổ phiếu GTN sẽ bị hủy đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và hủy lưu ký tại TTLKCK Việt Nam. Mọi giao dịch liên quan đến cổ phiếu GTN sau ngày chốt sẽ không còn giá trị.

Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần GTN của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký là cơ sở để các cổ đông này đến làm thủ tục nhận cổ phần VLC tại VLC theo tỷ lệ hoán đổi.

## 8. Lịch trình phân phối dự kiến

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: trong năm 2021.

**Bảng 26: Lịch trình dự kiến các mốc thời gian của đợt phát hành**

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Từ ngày	Đến ngày
1	VLC nhận giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi từ UBCKNN	T	T
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về ngày chốt danh sách cổ đông GTN thực hiện hoán đổi cổ phiếu	T+1	T+4
3	Thời gian để các cổ đông đăng ký thực hiện quyền	T + 1	T + 24



	hoán đổi cổ phiếu		
4	Ngày chốt danh sách cổ đông GTN hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu và hủy niêm yết cổ phiếu GTN	T+25	T+25
5	Tổng hợp và nhận danh sách cổ đông được quyền hoán đổi	T+26	T+28
6	Thực hiện hoán đổi: Cổ đông GTN chưa lưu ký cổ phiếu sẽ nhận cổ phiếu VLC tại trụ sở VLC; Cổ đông GTN đã lưu ký cổ phiếu sẽ nhận cổ phiếu thông qua các thành viên lưu ký (công ty chứng khoán) sau khi cổ phiếu VLC phát hành thêm được lưu ký và niêm yết	T+28	Cho đến khi nào các cổ đông GTN hoàn thành việc nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu VLC
7	Tổng hợp và báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN	T+28	T+30
8	Thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+31	T+51
9	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch trên UPCOM	T+51	T+60

#### **Các bước xử lý đối với cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ sau khi sáp nhập**

- Miêu tả chung: GTN hiện tại đang nắm giữ 47.003.136 cổ phiếu VLC tương đương 74,49% cổ phần VLC
- Mục đích xử lý sau sáp nhập: toàn bộ số cổ phiếu VLC do GTN nắm giữ sẽ tự động trở thành cổ phiếu quỹ của công ty hình thành sau sáp nhập và toàn bộ số cổ phiếu này sẽ bị hủy.
- Cách thức xử lý kế toán và dự kiến bảng cân đối kế toán của VLC sau sáp nhập được trình bày chi tiết tại Phụ lục đính kèm Bản cáo bạch

#### **9. Mối quan hệ giữa Tổ chức phát hành với Công ty bị sáp nhập**

Tổ chức phát hành hiện là công ty con của Công ty bị sáp nhập.

#### **10. Ý kiến của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế được thực hiện hoặc tập trung kinh tế có điều kiện**

Căn cứ Công văn số 2357/BCT-CT ngày 28/04/2021 của Bộ Công thương, việc tập trung kinh tế dự kiến giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty Cổ phần GTNFoods theo hình thức sáp nhập doanh nghiệp không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại Điều 30 Luật Cạnh tranh và được phép thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.

#### **11. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại VLC là 100%, do đó việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi sẽ đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.

## 12. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức...theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### 12.1.Đối với nhà đầu tư cá nhân

#### Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 quy định:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

#### Thu nhập từ cổ tức:

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

### 12.2.Đối với nhà đầu tư tổ chức

#### Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- **Tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.
- **Đối doanh nghiệp nước ngoài:** Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

**Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

## 13. Thông tin về các cam kết

### Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về việc đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu của Công ty khác.

- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu Công ty Cổ phần GTNFoods theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của Luật cạnh tranh.
- Sau hoán đổi, Điều lệ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ được sửa đổi phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

### Cam kết về giao dịch của cổ phiếu phát hành thêm

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP cam kết:

- Cổ phiếu VLC phát hành thêm để hoán đổi sẽ được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.





- Cổ phiếu VLC phát hành thêm để hoán đổi sẽ được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM.
- Ngay sau khi kết thúc đợt phát hành, Hội đồng quản trị VLC sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

## IX. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Nhằm khẳng định và nâng cao vị thế trên thị trường, cũng như nâng cao năng lực tài chính, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) sẽ phát hành thêm cổ phiếu VLC cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu GTN đang lưu hành theo Hợp đồng sáp nhập được ký kết giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần GTNfoods, trên cơ sở tỉ lệ hoán đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

### ❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (+84 24) 71050 000

Website: <http://www2.deloitte.com/vn>

### ❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6321

Fax: (84-4) 3936 6318

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

#### **Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội (“SSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

VLC là một đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành nông nghiệp với thương hiệu đã được khẳng định. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, Công ty cũng gặp nhiều thách thức từ thị trường và các đối thủ cạnh tranh. Từ sau khi hoàn tất việc thoái vốn nhà nước, Công ty đang dần tái cơ cấu, thoái vốn khỏi các công ty liên kết không hiệu quả và tập trung nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con là Mộc Châu Milk. Cùng với đó, việc tham gia các hoạt động M&A nhằm nâng cao quy mô hoạt động và tăng cường nguồn lực để triển khai các dự án nông nghiệp tiềm năng là hướng đi giúp duy trì đà tăng trưởng bền vững của VLC trong bối cảnh hiện tại. Trên cơ sở đó, chúng tôi tin rằng đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi lần này là một bước tiến quan trọng của Công ty trong lộ trình đạt được các mục tiêu kinh doanh dài hạn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.



## **XI. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổ chức phát hành và công ty bị sáp nhập
2. Phụ lục II: Dự thảo Điều lệ của Công ty nhận sáp nhập
3. Phụ lục III: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Tổ chức phát hành
4. Phụ lục IV: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty bị sáp nhập
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất của Tổ chức phát hành và công ty bị sáp nhập
6. Phụ lục VI: Hợp đồng sáp nhập
7. Phụ lục VII: Dự kiến Bảng cân đối kế toán của VLC sau sáp nhập



**NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG


MAI KIỀU LIÊN

TRỊNH QUỐC DŨNG






HOÀNG THỊ HÀ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ SÁP NHẬP  
CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

MAI KIỀU LIÊN

TRỊNH QUỐC DŨNG



HOÀNG MẠNH CƯỜNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI - CHI NHÁNH HÀ NỘI  
GIÁM ĐỐC KHÔI - KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH



**Phụ lục VII: Dự kiến Bảng cân đối kế toán của VLC sau sáp nhập**  
(Chỉ phản ánh nội dung phát hành hoán đổi và hủy cổ phiếu quỹ)

Mã số	Chỉ tiêu	VLC trước sáp nhập	Bút toán #1 (Tài sản thuần GTN nhận về)	Bút toán #2 (ghi nhận cổ phiếu quỹ ngay sau sáp nhập)	Bút toán #3 (Hủy cổ phiếu quỹ)	VLC mới sau sáp nhập
	<b>TAI SẢN</b>					
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>622.243.290.564</b>	<b>352.428.396.199</b>	-	-	<b>974.671.686.763</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	38.848.075.241	1.846.967.971	-	-	40.695.043.212
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	567.000.000.000	339.000.000.000	-	-	906.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	15.088.405.915	9.103.813.351	-	-	24.192.219.266
140	IV. Hàng tồn kho	55.482.620	-	-	-	55.482.620
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.251.326.788	2.477.614.877	-	-	3.728.941.665
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>363.399.547.663</b>	<b>2.427.319.763.704</b>			<b>1.363.985.537.219</b>
210	I. Các kho 516.4059 55.	-	87.590.300			87.590.300
220	II. Tài sản 00 6.4059	18.208.540.148	1.130.954.037	-	-	19.339.494.185
221	1. Tài sản cố định hữu hình	18.208.540.148	1.130.954.037	-	-	19.339.494.185
222	- Nguyên giá	151.944.761.946	1.660.713.818	-	-	153.605.475.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(133.736.221.798)	(529.759.781)	-	-	(134.265.981.579)
227	3. Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-
228	- Nguyên giá	299.000.000	142.000.000	-	-	441.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(299.000.000)	(142.000.000)	-	-	(441.000.000)

**BẢN CÁO BẠCH**

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP



240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	780.167.941	-	-	-	780.167.941
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	343.933.239.680	2.426.019.694.353	-	-	1.343.219.159.885
251	1. Đầu tư vào công ty con	328.647.265.465	2.266.298.145.648	(1.426.733.774.148)	-	1.168.211.636.965
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.933.556.527	230.899.972.315	-	-	238.833.528.842
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.761.912.327	-	-	-	29.761.912.327
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(22.409.494.639)	(71.178.423.610)	-	-	(93.587.918.249)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	477.599.894	81.525.014	-	-	559.124.908
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>985.642.838.227</b>	<b>2.779.748.159.903</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.338.657.223.982</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>300</b>	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>47.666.540.626</b>	<b>1.059.489.699</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>48.726.030.325</b>
310	I. Nợ ngắn hạn	47.666.540.626	1.059.489.699	-	-	48.726.030.325
330	II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
<b>400</b>	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>937.976.297.601</b>	<b>2.778.688.670.204</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.289.931.193.657</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	937.976.297.601	-	-	-	2.289.931.193.657
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	631.010.000.000	-	-	-	1.723.478.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	631.010.000.000	1.562.500.000.000	-	(470.031.360.000)	1.723.478.640.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	-	1.216.188.670.204	-	(956.702.414.148)	259.486.256.056
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(1.426.733.774.148)	1.426.733.774.148	-

**BẢN CÁO BẠCH**

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP



416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	61.102.545.573	-	-	-	61.102.545.573
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	245.863.752.028	-	-	-	245.863.752.028
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	-	-	-	-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	-	-	-	-	-
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-	-	-	-
432	1. Nguồn kinh phí	-	-	-	-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	-	-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>985.642.838.227</b>	<b>2.779.748.159.903</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.338.657.223.982</b>